

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

HẢI PHÒNG – 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY
VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Dinh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Dinh

Mã SV: 1812401026

Lớp : QT2201K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

TNHH Miki Industry Việt Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.

.....
.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Nguyễn Thị Mai Linh*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 04 tháng 04 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Dinh Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Nội dung hướng dẫn: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp; Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam; Đánh giá những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2021). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
LỜI MỞ ĐẦU	ii
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	1
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	1
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	1
1.1.2.1. Khái niệm.....	1
1.1.2.2. Đặc điểm	2
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.....	2
1.1.3.2. Nhiệm vụ	3
1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.4.1. Phân loại.....	3
1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	4
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song	8
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	9
1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	10
1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	12
1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	12
1.3.1.2. Tài khoản sử dụng	12
1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17
1.4.1. Khái niệm	17
1.4.2. Thời điểm lập dự phòng giảm giá	17
1.4.3. Đối tượng lập dự phòng	17
1.4.4. Mức trích lập dự phòng.....	18
1.4.5. Tài khoản sử dụng.....	18
1.4.6. Phương pháp hạch toán	19
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu	

trong doanh nghiệp.....	19
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	19
1.5.2. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	19
1.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán:	20
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	21
1.5.5. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	23
1.5.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	23
1.5.6. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	24
1.5.6.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	25
1.5.7. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	26
1.5.7.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính	26
1.5.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM.	28
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.....	28
2.1.2. Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty	29
2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức.....	29
2.1.2.2 Chức năng phòng ban.....	29
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	30
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	30
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.	31
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty	33
2.2.1. Đặc điểm, phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.	33
2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.	33
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.....	34
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.....	35
2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam	53
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	53
2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng	53
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.	53
2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	54
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM	59

3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty	59
3.1.1.Uưu điểm.....	59
3.1.1.1. Tổ chức công tác kế toán.....	59
3.1.1.2.Tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu	59
3.1.1.Hạn chế	61
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty	63
3.2.1. Hoàn thiện hơn về tổ chức công tác kế toán NVL tại Công ty	63
3.2.2. Hoàn thiện việc tổ chức, phân công công việc và trách nhiệm của Kế toán:	72
3.2.3.Hoàn thiện công tác kế toán quản trị NVL cho Công ty.....	72
3.2.4. Một số giải pháp khác.	75

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1.Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song	9
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	10
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư	12
Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	20
Sơ đồ 1.7 : Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	21
Sơ đồ 1.8: trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chứng từ	26
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kên toán trên máy vi tính ..	27
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.....	29
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Miki Industry VN	30
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.....	32
Sơ đồ 2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song....	36
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty.....	53

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000125	37
Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho số 056	39
Biểu số 2.3: Ủy nhiệm chi số 1325 ngày 15/02/2021	40
Biểu số 2.4: Giấy đề nghị cung cấp vật tư, NVL	41
Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 1702	42
Biểu số 2.6: Thẻ kho	43
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	44
Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0002742	46
Biểu số 2.9: Phiếu nhập kho số NK67	47
Biểu số 2.10: Chứng từ thanh toán(UNC điện tử)	48
Biểu số 2.11: Giấy đề nghị cung cấp vật tư, NVL (biểu số bnhiu).....	49
Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho.....	50
Biểu số 2.13: Thẻ kho	51
Biểu số 2.14: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	52
Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung năm 2021	55
Biểu số 2.16: Sổ cái TK 152	57
Biểu số 2.17; Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu	58
Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư	66
Biểu số 3.2: Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho	69
Biểu số 3.3: Sổ bàn giao tài liệu.....	71
Biểu số 3.4: Dự toán thành phẩm tồn kho NVL cuối kỳ.	73
Biểu số 3.5: Báo cáo tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn.....	74
Biểu số 3.7: Màn hình theo dõi nhập xuất tồn kho theo mã quy cách trên phần mềm MISA	78
Biểu số 3.8: Màn hình thể hiện Báo cáo tổng hợp tồn kho.....	78
Biểu số 3.9: Giao diện của phần mềm kế toán Fast Accouting	79
Biểu số 3.10 :Bảng giá của phần mềm kế toán Fast Accounting.....	81
Biểu số 3.11 : Giao diện tính giá thành sản xuất.....	82
Biểu số 3.12: Giao diện của phần mềm kế toán CADs	84

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của quý thầy cô ngành Kế toán Kiểm toán, Trường Đại Học Quản lý à Công Nghệ Hải Phòng, sau gần ba tháng thực tập em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam”.

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngoài sự nỗ lực học hỏi của bản thân còn có sự hướng dẫn tận tình của thầy cô, anh chị tại Công ty.

Em chân thành cảm ơn cô giáo – ThS. Nguyễn Thị Mai Linh người đã hướng dẫn cho em trong suốt thời gian thực tập. Cô không ngần ngại chỉ dẫn em, định hướng đi cho em, để em hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một lần nữa em chân thành cảm ơn cô và chúc cô dồi dào sức khỏe.

Xin cảm ơn tất cả các thầy cô tại ngành kế toán kiểm toán và các anh chị Công ty đã giúp đỡ, dìu dắt em trong suốt thời gian qua. Tất cả các mọi người đều nhiệt tình giúp đỡ, đặc biệt ở Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam, mặc dù số lượng công việc của công ty ngày một tăng lên nhưng công ty vẫn dành thời gian để hướng dẫn rất nhiệt tình.

Tuy nhiên vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân còn thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung của báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận sự góp ý, chỉ bảo thêm của quý thầy cô cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên tại công ty để báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa xin gửi đến thầy cô, anh chị tại Công ty lời cảm ơn chân thành và tốt đẹp nhất!

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2021

LỜI MỞ ĐẦU

1.Lý do chọn đề tài:

Đất nước ta đang trong quá trình phát triển kinh tế và hội nhập theo sự phát triển của thế giới và xu hướng của thời đại. Hội nhập và phát triển kinh tế là một cơ hội đồng thời cũng là một sự thách thức lớn đối với nền kinh tế nước nhà nói chung và cụ thể là các doanh nghiệp trong nước nói riêng. Nó phải chịu sức ép cạnh tranh quyết liệt từ bên ngoài cũng như bên trong. Điều đó đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực không ngừng, phát huy tối đa ưu thế của mình, cũng như khắc phục những mặt yếu kém còn tồn tại để có thể hoà nhập với nền kinh tế thế giới. Để làm được điều đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng được đặt ra đối với doanh nghiệp là phải quản trị thật tốt và chặt chẽ vốn lưu động, trong đó nguyên vật liệu(NVL) được xem là tài sản lưu động quan trọng. Vậy nên công tác hạch toán và quản lý NVL là một trong những khâu quan trọng của công tác kế toán tại DN. Nó có ý nghĩa rất lớn để tiết kiệm chi phí đầu vào, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Bên cạnh đó nguyên vật liệu vẫn là một bài toán khó đối với các doanh nghiệp trong việc yêu cầu công tác bảo quản nguyên vật liệu khẩn khe, xây dựng kế hoạch xuất dùng NVL hợp lý, việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho....Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam là một trong số những công ty sản xuất rất quan tâm và chú trọng tới công tác kế toán NVL để phát triển và khẳng định vị thế của mình trên địa bàn cả nước và quốc tế .

Thực tế khi khảo sát tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam đã sử dụng NVL rất đa dạng và phong phú về chủng loại, nhiều về số lượng. Do vậy công tác kế toán NVL ở đơn vị rất quan trọng, nó đã giúp cho công ty quản lý tốt các vấn đề phát sinh liên quan đến thu mua, bảo quản, sử dụng và cung ứng NVL trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, việc quản lý và sử dụng sổ sách, chứng từ kế toán liên quan đến vấn đề nhập – xuất – tồn, xử lý phế liệu vẫn còn nhiều bất cập nên công tác kế toán tại Công ty chưa có hướng xử lý và phản ánh kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến NVL. Nhận thấy tầm quan trọng của NVL trong quá trình sản xuất cũng như xuất phát từ tình hình thực tế tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam. Vì vậy,em đã quyết định chọn nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán Nguyên vật liệu (NVL) tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam” làm đề tài thực tập.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài:

Việc nghiên cứu đề tài nhằm các mục đích như sau:

- Nhằm tìm hiểu công tác kế toán NVL từ khâu mua, quản lý đến quá trình hạch toán, ghi chép trên chứng từ, sổ sách tại kho và phòng kế toán về tình hình nhập – xuất

- Tìm hiểu và hệ thống kế toán và công tác tổ chức thực hiện kê toán NVL tại Công ty như: đặc điểm, phân loại, tài khoản kế toán sử dụng, phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán chi tiết và tổng hợp và một số nghiệp vụ và vấn đề kế toán phát sinh.

- Đánh giá thực tế tình hình quản lý và tổ chức kế toán NVL tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam để làm nổi bật lên ưu điểm và hạn chế cần khắc phục trong công tác kế toán.

- Đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: Hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi không gian: Tổ chức và hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

+ Phạm vi thời gian: 04/04/2022 đến 24/06/2022

4. Phương pháp nghiên cứu:

Để thực hiện và phục vụ đề tài nghiên cứu, em đã sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp xử lý số liệu, phân tích, logic.....

- Các tài liệu nghiên cứu:

Luật kế toán, luật doanh nghiệp, luật đầu tư, luật lao động, các chính sách thuế

Chuẩn mực kế toán

Báo cáo tài chính, thuyết minh báo cáo tài chính của công ty.

5. Kết cấu của đề tài nghiên cứu:

Chuyên đề ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán NVL tại công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.

Mặc dù bản thân đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu, song do thời gian có hạn, vấn đề nghiên cứu rộng và phức tạp nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em mong được sự chỉ bảo, góp ý kiến của các anh chị trong phòng kế toán cùng các thầy cô để em hoàn thiện bài chuyên đề và nâng cao kiến thức cho bản thân em nhằm phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn thầy, cô giáo ở tổ kiểm toán, giảng viên hướng dẫn cô: Đào Minh Hằng, Ban lãnh đạo công ty, phòng kế toán tài chính đã tận tình giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu và hoàn thiện bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2022

Sinh viên

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Ngày nay, khi nền kinh tế Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường, vấn đề mà mọi doanh nghiệp đều quan tâm là sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn để tạo tiền đề cho tái sản xuất cả nhiều rộng và chiều sâu. Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và hoạt động lâu dài phải có chiến lược kinh doanh có hiệu quả, do đó phải luôn đặt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời giảm chi phí sản xuất nhưng vẫn phải luôn đảm bảo lấy chất lượng sản phẩm làm mục tiêu hàng đầu. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải kiểm soát tốt các chi phí đầu vào trong quá trình sản xuất như: chi phí nguyên vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung khác. Trong số đó, chi phí nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất được thể hiện dưới dạng vật hóa, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy, việc quản lý nguyên vật liệu là vấn đề cần được quan tâm nhiều nhất nhằm giúp quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra thuận lợi, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, mở rộng thị trường tiêu thụ. Việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết trong hoạt động quản lý tài sản của doanh nghiệp. Hơn thế nữa, điều này còn giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí và giá thành sản phẩm, đồng thời giúp cho việc tổ chức công tác kế toán, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo yêu cầu quản lý và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu, nó đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý nguyên vật liệu và giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu có đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa.

Trong các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được sử dụng phục vụ cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ hay sử dụng cho bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp

1.1.2.2. Đặc điểm

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất để hình thành nên sản phẩm mới. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu là hàng tồn kho thuộc tài sản ngắn hạn.

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu trình sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn và thay đổi về hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm.

- Về mặt giá trị, nguyên vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị vào giá trị của sản phẩm mới tạo ra chứ không hao mòn dần như tài sản cố định.

- Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, vốn góp của các thành viên tham gia công ty,..., trong đó, chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

- Nguyên vật liệu dùng trong doanh nghiệp

- xây dựng rất đa dạng, phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật.

- Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở các công ty.

1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1. Yêu cầu quản lý

Để quản lý, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, đảm bảo chất lượng, tối thiểu hóa chi phí, đòi hỏi doanh nghiệp phải chú trọng tới công tác kế toán nguyên vật liệu, quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu ở tất cả các khâu.

+ Khâu thu mua: Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm về mặt số lượng, chủng loại, chất lượng và phản ánh đầy đủ, chính xác giá thực tế của vật liệu (giá mua, chi phí thu mua).

+ Khâu bảo quản: Phải tổ chức hệ thống kho tàng hợp lý, đúng chế độ bảo quản với từng loại vật liệu để tránh hư hỏng, hao hụt, thất thoát, mất phẩm chất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

+ Khâu dự trữ: Nguyên vật liệu cần được dự trữ đúng định mức đảm bảo cho

quá trình sản xuất diễn ra bình thường, không ngưng trệ, gián đoạn và cũng không gây ứ đọng.

+ Khâu sử dụng: Đề phát huy hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng vẫn có thể tối thiểu hóa chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm cần sử dụng nguyên vật liệu theo đúng chủng loại, đúng định mức tiêu hao, quản lý tốt các khâu trong quy trình sản xuất sản phẩm, tránh sai hỏng, lãng phí nguyên vật liệu. Đồng thời, doanh nghiệp cần tổ chức tốt việc ghi chép, theo dõi, phản ánh tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, tính toán phân bổ hợp lý, chính xác cho từng đối tượng sử dụng theo phương pháp thích hợp, kịp thời cung cấp số liệu chính xác cho công tác tính giá thành sản phẩm. Doanh nghiệp thường xuyên hoặc định kỳ phân tích tình hình thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu và đề ra những biện pháp cần thiết cho việc quản lý ở từng khâu.

1.1.3.2. Nhiệm vụ

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu. Tính giá thực tế của nguyên vật liệu đã mua, thực hiện phân loại đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với các chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Vận dụng đúng các phương pháp hạch toán nguyên vật liệu; mở sổ, thẻ chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu.

- Tham gia kiểm kê và đánh giá lại nguyên vật liệu theo chế độ quy định của Nhà nước, lập đầy đủ các báo cáo về nguyên vật liệu, phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý điều hành, phân tích kế toán trong doanh nghiệp.

- Phân tích tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.

- Nhập xuất nguyên liệu, công cụ, dụng cụ hỗ trợ cho bộ phận sản xuất.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.4.1. Phân loại.

❖ Căn cứ vào yêu cầu quản lý

- Nguyên vật liệu chính: là những thứ nguyên vật liệu mà sau quá trình gia công, chế biến sẽ cấu thành nên thực thể vật chất chủ yếu của sản phẩm. Cần chú ý rằng, nguyên vật liệu là những vật phẩm tự nhiên chưa qua một sự chế biến nào và cần được tác động của lao động, máy móc, kỹ thuật biến hóa mới thành sản phẩm hoặc đã qua chế biến nhưng là yếu tố chính để cấu thành sản phẩm cho công đoạn sản xuất tiếp theo.

- Vật liệu phụ: là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị hoặc dùng để bảo quản, phục vụ cho hoạt động của các tư liệu lao động hay phục vụ cho lao động của người lao động (dầu nhờn, hồ keo, thuốc nhuộm, thuốc tẩy, thuốc chống rỉ, hương liệu, xà phòng, giẻ lau,...)

- Nhiên liệu: là những thứ vật liệu được dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như than, củi, xăng, dầu, hơi đốt, khí đốt,...

- Phụ tùng thay thế: gồm các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc thiết bị,...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ,...) mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản;

- Phế liệu: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài (phôi bào, vải vụng, gạch, sắt,...)

- Vật liệu khác: gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên như: bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc chủng.

❖ Căn cứ vào nguồn gốc NVL:

- NVL mua ngoài

- NVL tự chế biến, gia công

❖ Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng:

- NVL trực tiếp dùng cho sản xuất kinh doanh

- NVL dùng cho công tác quản lý

- NVL dùng cho các mục đích khác

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu

❖ Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên tắc chung: Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là tập hợp tất cả những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó tính đến thời điểm vật liệu sẵn sàng xuất kho để đưa vào sử dụng.

Do nguyên vật liệu của doanh nghiệp được nhập từ nhiều nguồn khác nhau, chi phí bỏ ra cho từng nguồn nhập là khác nhau, cho nên giá thực tế vật liệu nhập kho được tính riêng cho từng nguồn nhập.

• Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

Trường hợp mua nguyên vật liệu trong nước nhập kho: Giá thực tế bao gồm:

+ Giá mua trên hóa đơn: gồm thuế giá trị gia tăng áp dụng hạch toán theo phương pháp trực tiếp, không gồm thuế giá trị gia tăng áp dụng hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

+ Chi phí liên quan đến quá trình thu mua: chi phí vận chuyển, bốc dỡ,...

Với những doanh nghiệp có quy mô lớn thì việc thu mua nguyên vật liệu thường được một bộ phận cung ứng vật tư đảm nhận. Trong trường hợp này, tất cả những chi phí phục vụ cho hoạt động của bộ phận này phải được phân bổ để tính giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

• Trường hợp nhập khẩu nguyên vật liệu: Giá thực tế bao gồm:

+ Giá mua

+ Chi phí vận chuyển, bốc dỡ

+ Chi phí liên quan đến bộ phận thu mua

+ Thuế nhập khẩu

+ Phí làm thủ tục hải quan

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} \\ \text{(kể cả thuế nhập khẩu,} \\ \text{nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \end{array}$$

Trong đó, các chi phí thu mua thực tế bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản,... NVL từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp; công tác phí của nhân viên thu mua, hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có).

• Đối với nguyên vật liệu tự sản xuất:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL xuất} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến} \end{array}$$

• Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của NVL} \\ \text{xuất chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chuyên} \\ \text{chở NVL đến nơi} \\ \text{chế biến và} \\ \text{ngược lại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tiền thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế} \\ \text{biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh: Trong trường hợp này, giá thực tế vật liệu nhập kho là giá trị thỏa thuận do các bên liên doanh cùng xác định cộng (+) với các chi phí tiếp nhận mà doanh nghiệp phải bỏ ra (nếu có).

- Đối với phế liệu: Giá trị thực tế ghi sổ của phế liệu là giá trị ước tính có thể sử dụng được hay giá trị thu hồi tối thiểu.

- Đối với nguyên vật liệu được tặng, thưởng: Giá trị thực tế ghi sổ của nguyên vật liệu trong trường hợp này là giá thị trường tương đương cộng (+) chi phí liên quan đến việc chấp nhận (nếu có).

❖ **Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Tùy theo đặc điểm của mỗi doanh nghiệp và yêu cầu của quản lý, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong những phương pháp sau để tính giá thực tế của NVL:

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này, giá thực tế của nguyên vật liệu và giá trị mua của NVL xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị thực tế của NVL xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế NVL xuất dùng}}{\text{Giá đơn vị bình quân NVL xuất kho}} \times \text{Giá đơn vị bình quân NVL xuất kho}$$

Trong đó, giá đơn vị bình quân NVL có thể tính theo một trong các phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng Số lượng NVL nhập kho trong kỳ}}$$

+ Ưu điểm: cách tính này đơn giản, dễ làm, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng loại NVL.

+ Nhược điểm: độ chính xác không cao do không phản ánh kịp thời tình hình biến động của NVL trong kỳ, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng công tác quyết toán nói chung.

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này thích hợp cho những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL và số lần nhập xuất ít.

- *Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:*

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập vật tư, kế toán phải xác định lại giá đơn vị bình quân.

$$\text{Giá đơn vị bình quân NVL sau lần nhập N} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL tồn kho trước lần nhập N} + \text{Giá trị thực tế NVL nhập kho lần thứ N}}{\text{Số lượng NVL tồn kho trước lần nhập N} + \text{Số lượng NVL nhập kho lần thứ N}}$$

+ Ưu điểm: cách làm này có độ chính xác cao, đảm bảo tính kịp thời của số liệu và phản ánh được tình hình biến động giá cả NVL trong kỳ.

+ Nhược điểm: khối lượng công việc tính toán nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: phương pháp này thích hợp đối với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, có lưu lượng nhập kho ít, giá cả ít biến động.

- *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):*

Theo phương pháp này, giả định rằng số nguyên vật liệu nào nhập vào kho trước thì được xuất ra khỏi kho trước, xuất hết số nhập trước mới tới số nhập sau theo giá trị thực tế của từng số hàng nhập (phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, vì giá trị NVL cuối kỳ sẽ là số thực tế của số vật tư mua vào sau cùng).

+ Ưu điểm: cách làm này đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

+ Nhược điểm: doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại trong trường hợp giá cả không ổn định, nếu chủng loại NVL nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến khối lượng công việc nhiều.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp đối với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, số lần nhập kho của NVL không nhiều.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu nhập kho theo đơn giá nào sẽ được xuất kho theo đơn giá đó theo từng lô, từng thứ nguyên vật liệu tương ứng với từng lần nhập. Phương pháp giá thực tế đích danh thường được sử dụng trong các doanh nghiệp có ít loại nguyên vật liệu hoặc nguyên vật liệu ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

+ Ưu điểm: phương pháp này có độ chính xác cao, đảm bảo tính kịp thời của

số liệu.

+ Nhược điểm: đòi hỏi có đầy đủ số liệu về từng loại NVL do đó tốn nhiều công sức.

- Điều kiện áp dụng: phương pháp này thường được sử dụng trong các doanh nghiệp có ít chủng loại NVL hoặc NVL ổn định và có thể nhận diện được.

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

- Về nguyên tắc:

+ Ở kho: theo dõi nguyên vật liệu về mặt số lượng trên thẻ kho.

+ Ở bộ phận kế toán: theo dõi nguyên vật liệu về số lượng và giá trị trên sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Trình tự ghi sổ:

+ Tại kho:

- Hàng ngày, thủ kho nhận được các chứng từ nhập xuất, sau đó kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ, ghi số lượng nguyên vật liệu thực xuất, thực nhập vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày, thủ kho phải tiến hành cộng nhập, xuất tính ra số tồn kho trên từng thẻ kho.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho sắp xếp thẻ kho theo loại nhóm nguyên vật liệu và lập phiếu giao nhận chứng từ, sau đó chuyển những chứng từ đó cho phòng kế toán.

+ Tại bộ phận kế toán:

- Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho, để ghi chép cả số lượng và giá trị.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận chứng từ nhập xuất, kế toán phải kiểm tra chứng từ, ghi đơn giá, tính thành tiền hoàn chỉnh, sau đó phân loại các chứng từ này và ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết số lượng, giá trị nhập xuất, tính ra giá trị và số lượng tồn nguyên vật liệu.

- Cuối tháng, kế toán tính tổng số nhập xuất và tồn kho và đối chiếu số liệu trên thẻ kho với số liệu trên sổ hoặc thẻ chi tiết. Nếu thấy đúng thì lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu rồi đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

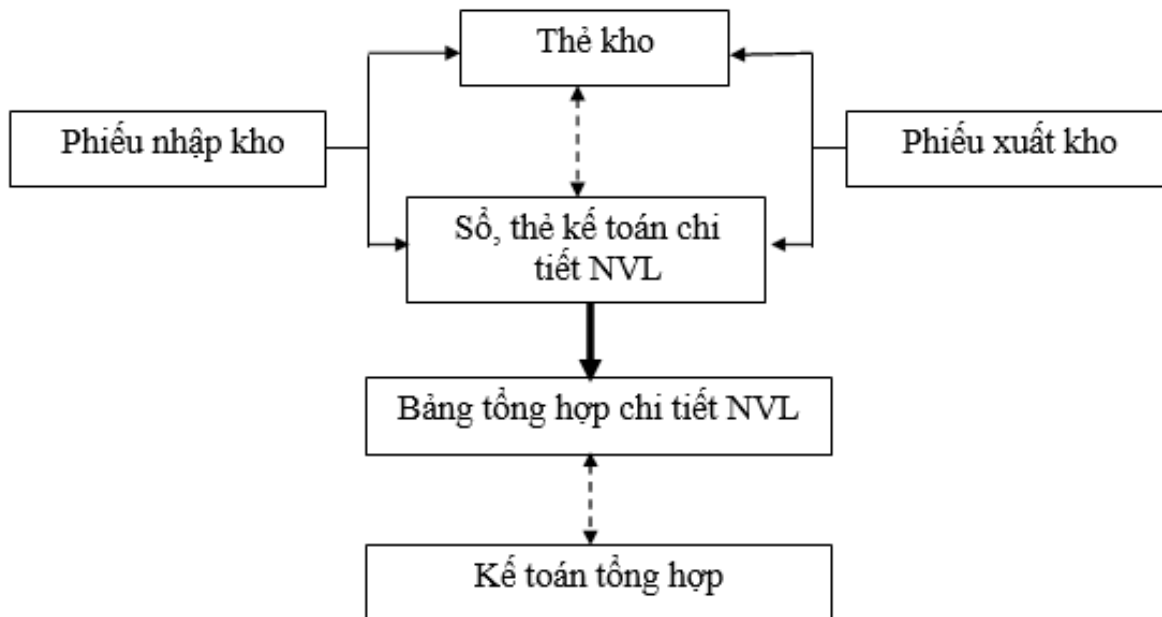
- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp thẻ song song:

+ Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu để phát hiện sai sót.

+ Nhược điểm: Khối lượng ghi chép lớn, việc ghi chép giữa kho và phòng kế

toán còn trùng lặp.

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại NVL, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày Ghi cuối tháng
- ⇔ Đối chiếu, kiểm tra
- ↔

Sơ đồ 1.1. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Về nguyên tắc:

- Ở kho: Ghi chép theo dõi về mặt số lượng trên thẻ kho.
- Ở bộ phận kế toán: Theo dõi cả về số lượng và giá trị trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Trình tự ghi sổ:

- Tại kho: Thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về mặt số lượng của từng loại nguyên vật liệu giống như phương pháp thẻ song song.

- Tại phòng kế toán:

+ Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép số lượng và giá trị của từng danh điểm nguyên vật liệu trong từng kho, sổ này được mở cho cả năm và

mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp nhập xuất phát sinh trong tháng. Mỗi danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

+ Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh sau đó phân loại chứng từ và lập bảng kê nhập, bảng kê xuất theo từng danh điểm vật liệu.

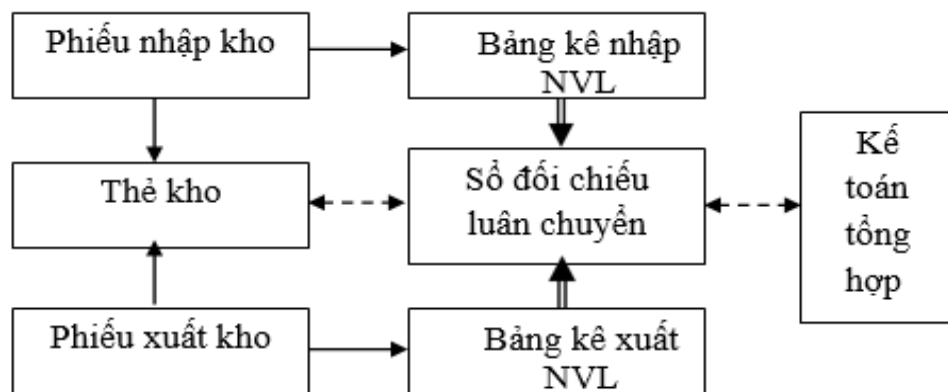
+ Cuối tháng, kế toán đối chiếu số lượng và giá trị của nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng trên thẻ kho của thủ kho sau đó đối chiếu với giá trị trên sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

- Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này:

+ Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ Nhược điểm: Việc ghi sổ kế toán vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa kho và phòng kế toán, ghi chép dồn vào cuối tháng nên hạn chế việc kiểm tra của kế toán.

Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập xuất NVL hàng ngày.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng ==>
 Đối chiếu, kiểm tra <-.->

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư

➤ Về nguyên tắc:

- Ở kho: Chỉ theo dõi về mặt số lượng nguyên vật liệu.

- Ở phòng kế toán: Chỉ theo dõi về mặt giá trị nguyên vật liệu.

➤ Trình tự ghi sổ:

- Tại kho:

Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho ghi vào thẻ kho sau đó tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập xuất phân loại theo từng nhóm nguyên vật liệu quy định.

+ Căn cứ vào kết quả phân loại, thủ kho lập phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất. Phiếu giao nhận chứng từ được lập riêng cho chứng từ nhập, xuất. Sau khi lập xong, phiếu này được đính kèm với phiếu nhập, xuất chuyển cho phòng kế toán.

+ Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho đã được kế toán kiểm tra, ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng vào từng loại vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư được mở cho từng kho, từng loại vật tư và được dùng cho cả năm. Sau khi ghi xong, sổ này được chuyển sang phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- Tại bộ phận kế toán:

+ Căn cứ vào chứng từ nhập xuất do thủ kho chuyển sang, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp số tiền của các chứng từ nhập xuất, ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm NVL vào bảng lũy kế nhập xuất tồn. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ.

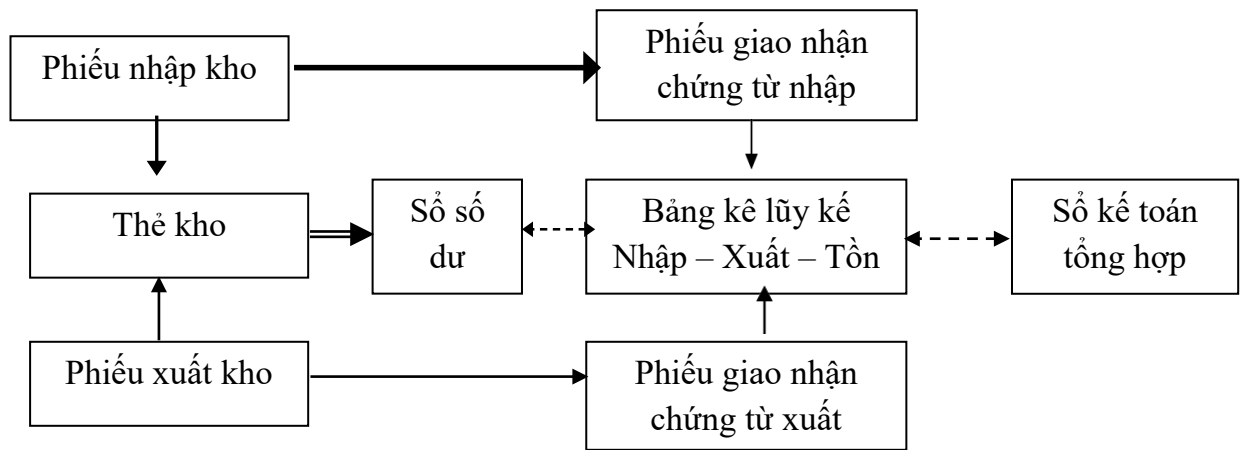
- Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm NVL. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư của từng thứ NVL trên Sổ số dư (trên Sổ số dư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán).

• Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp này:

+ Ưu điểm: Giảm được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và bộ phận kế toán, công việc kế toán được thực hiện đều đặn trong tháng, kiểm tra, giám sát thường xuyên đối với nhập xuất NVL.

+ Nhược điểm: Khi sai sót rất khó kiểm tra, yêu cầu trình độ nhân viên ở kho và bộ phận kế toán cao.

• Điều kiện áp dụng: Phù hợp với doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu và việc nhập xuất vật diễn ra thường xuyên.



* Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \dashleftarrow

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.3.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, xuất kho
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng
- Biên bản kiểm kê NVL.....

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng các tài khoản sau:

+ Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”:

Tài khoản này dùng để theo dõi giá thực tế (giá gốc của toàn bộ nguyên vật liệu hiện có, tăng, giảm qua kho của doanh nghiệp. Tài khoản này có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu,...; tùy theo yêu cầu quản lý, phương tiện tính toán và trình độ cán bộ kế toán của từng đơn vị.

Kết cấu:

- Bên Nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá trị nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa, đánh giá tăng...).
- Bên Có: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm giá trị nguyên

vật liệu trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, thiếu hụt, đánh giá lại, ...).

- Số dư Nợ: phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho.
+ Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”:

Tài khoản này phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ, hàng hóa, ... mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số đang gửi cho người bán).

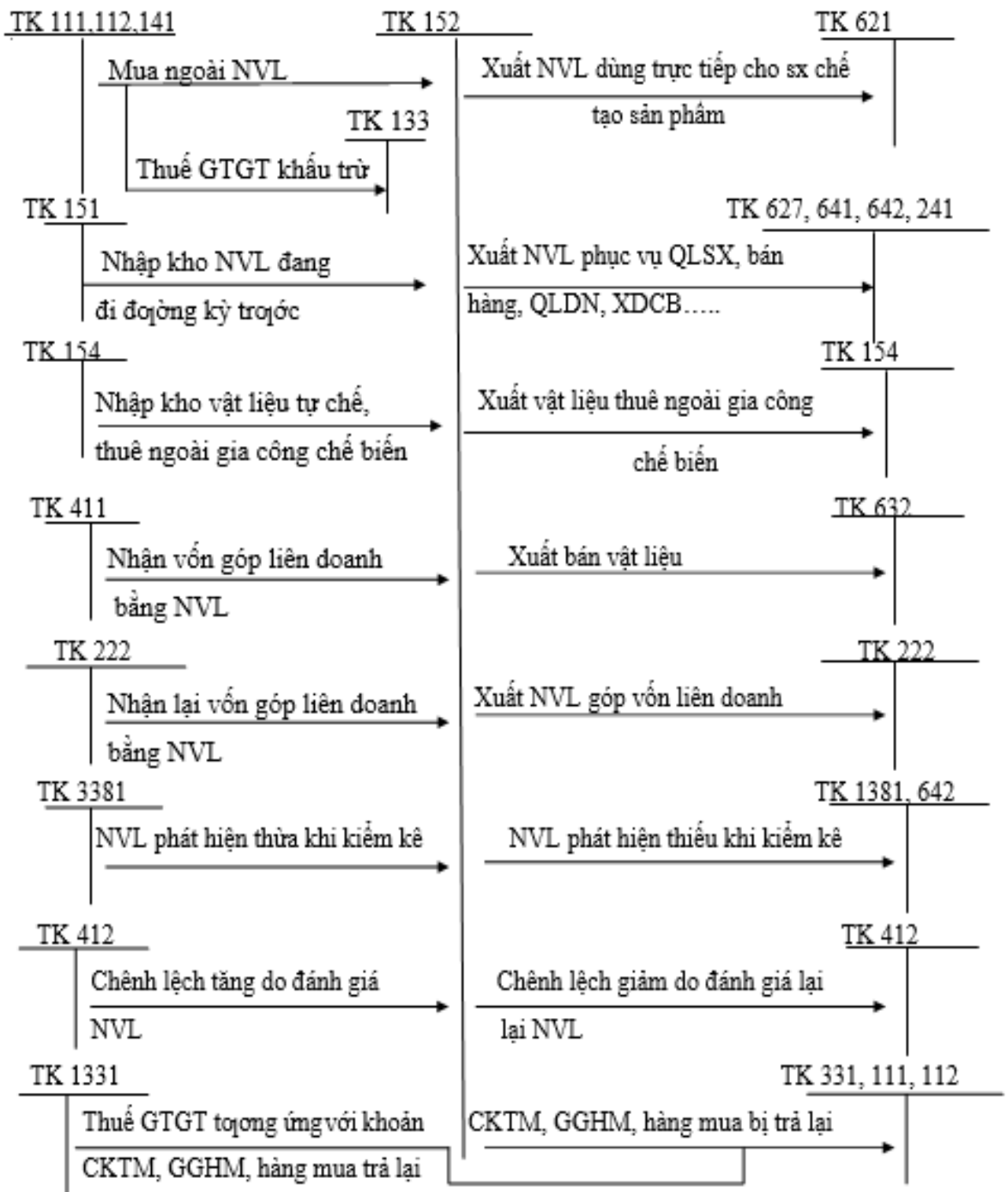
Kết cấu:

- Bên Nợ: phản ánh giá trị hàng đi đường tăng thêm trong kỳ.
- Bên Có: phản ánh giá trị hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng.
- Số dư Nợ: giá trị hàng đang đi đường (đầu và cuối kỳ).

Bên cạnh các tài khoản trên, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: 133, 331, 111, 112, 632, 157, ...

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán NVL theo Phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho, xuất kho
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng
- Biên bản kiểm kê NVL....

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng:

➤ Tài khoản TK 611 “Mua hàng”:

Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ (vật tư); hàng hóa... theo giá thực tế (giá mua + chi phí thu mua).

➤ Kết cấu:

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị thực tế vật tư, hàng hóa, hàng tồn kho đầu kỳ và tăng thêm trong kỳ.
- Bên Có: Phản ánh giá trị thực tế vật tư, hàng hóa xuất dùng, xuất bán, thiếu hụt... trong kỳ và tồn kho cuối kỳ.

➤ Ngoài ra, tài khoản này không có số dư và chi tiết thành 2 tiểu khoản:

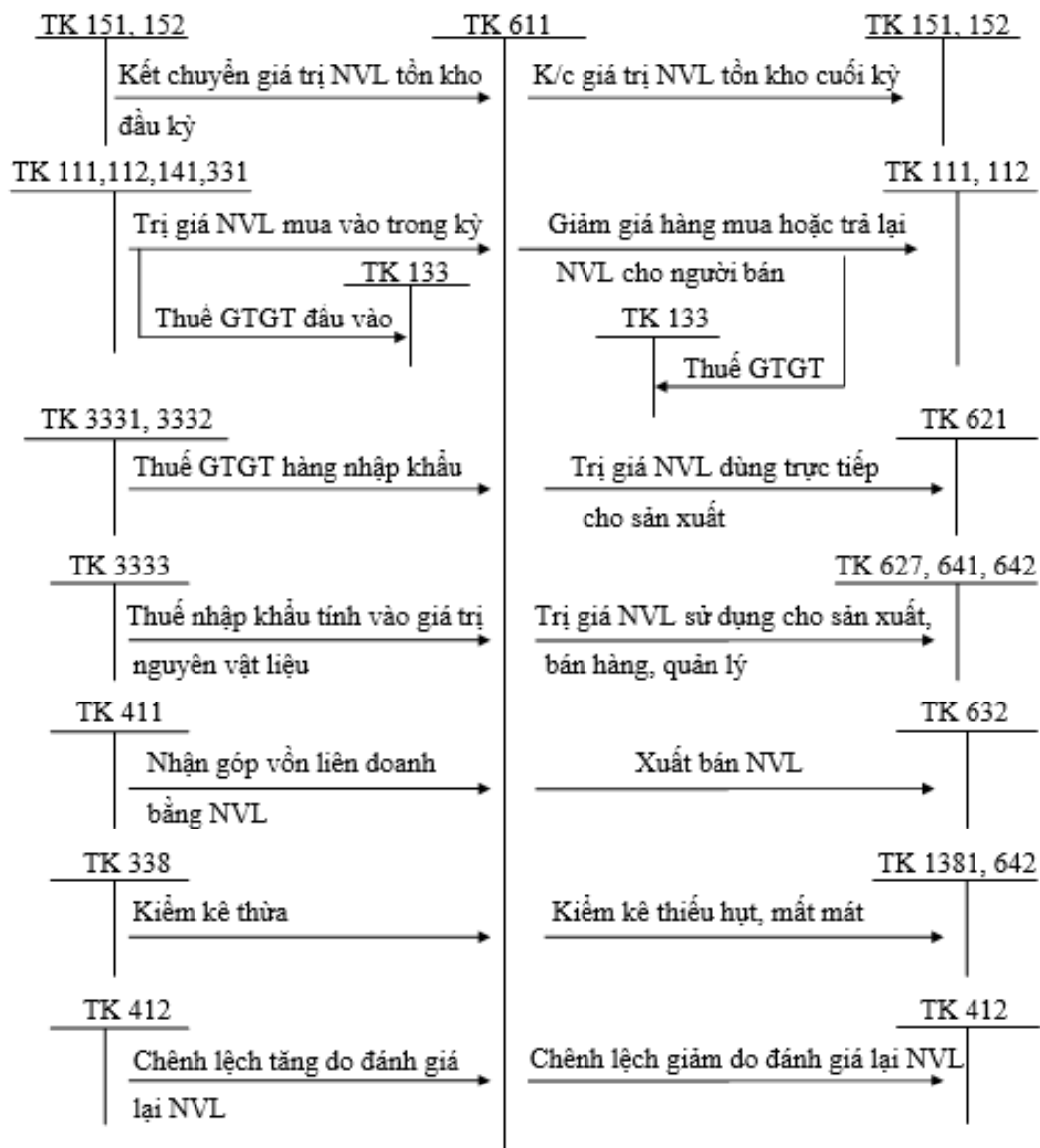
- TK 6111: Mua vật tư
- TK 6112: Mua hàng hóa

+ Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”: Dùng để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ.

+ Các tài khoản liên quan khác : 111, 112, 331,....

1.3.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán NVL theo Phương pháp kê khai định kỳ được thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.4.1. Khái niệm

Dự phòng là khoản mà doanh nghiệp sẽ dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất nhằm đảm bảo việc suy giảm giá trị thuần khiến giá trị ghi sổ của hàng tồn kho thấp hơn thực tế.

Việc lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho có hiệu quả trong việc bù đắp các thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời phản ánh đúng giá trị thực tế có thể thực hiện được của hàng hóa tồn trong kho khi doanh nghiệp lập báo cáo tài chính.

1.4.2. Thời điểm lập dự phòng giảm giá

Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

– Việc trích lập các khoản dự phòng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính của các tổ chức kinh tế thực hiện theo pháp luật về kế toán.

– Doanh nghiệp không trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư ra nước ngoài.

– Các khoản dự phòng quy định tại Thông tư này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo năm để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong kỳ báo cáo năm sau; đảm bảo cho doanh nghiệp phản ánh giá trị hàng tồn kho, các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

=> Doanh nghiệp xem xét, quyết định việc xây dựng quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý danh mục đầu tư, quản lý công nợ để hạn chế các rủi ro trong kinh doanh, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng người trong việc theo dõi, quản lý vật tư, hàng hoá, các khoản đầu tư, thu hồi công nợ

1.4.3. Đối tượng lập dự phòng

Đối tượng lập dự phòng sẽ bao gồm hàng tồn kho như nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế, thành phẩm mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

• Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp hoặc các chứng từ hợp lý khác về giá vốn hàng tồn kho theo quy định của Bộ Tài chính.

• Là hàng tồn kho thuộc tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo năm.

1.4.4. Mức trích lập dự phòng

Mức dự phòng giảm giá vật tư, hàng hóa = $\frac{\text{Lượng vật tư hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính}}{\text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán}} \times \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho}$

Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán 02.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho do doanh nghiệp tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

- Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ và bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng hóa (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ)

1.4.5. Tài khoản sử dụng

- TK 2994: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho".

Kết cấu:

Bên Nợ: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào cuối niên độ kế toán.

Bên Có: Trích lập dự phòng cần lập vào cuối niên độ

Dư có: Số dự phòng đã trích - Trình tự hạch toán:

+ Cuối năm căn cứ vào mức dự phòng cần lập, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2994: Dự phòng giảm giá NVL

+) Sang cuối năm sau nếu số cần lập cho năm kế hoạch đúng bằng số đã trích lập năm trước thì kế toán không phải trích lập dự phòng nữa.

+) Nếu số cần lập cho năm kế hoạch cao hơn số đã lập thì kế toán trích lập thêm phần chênh lệch tăng thêm và hạch toán như sau: Nợ TK 632 "Giá vốn hàng bán" (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.4.6. Phương pháp hạch toán

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) khi lập dự phòng giảm giá NVK năm đầu tiên ghi :

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2994: Dự phòng giảm giá NVL

- Cuối kỳ năm (hoặc) quý tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá NVK phải lập ở cuối kỳ năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá NVL đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2994: Dự phòng giảm giá NVL

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá NVL phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá đã lập ở cuối năm trước chưa sử dụng hết thì phải hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 2994: Dự phòng giảm giá NVL

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

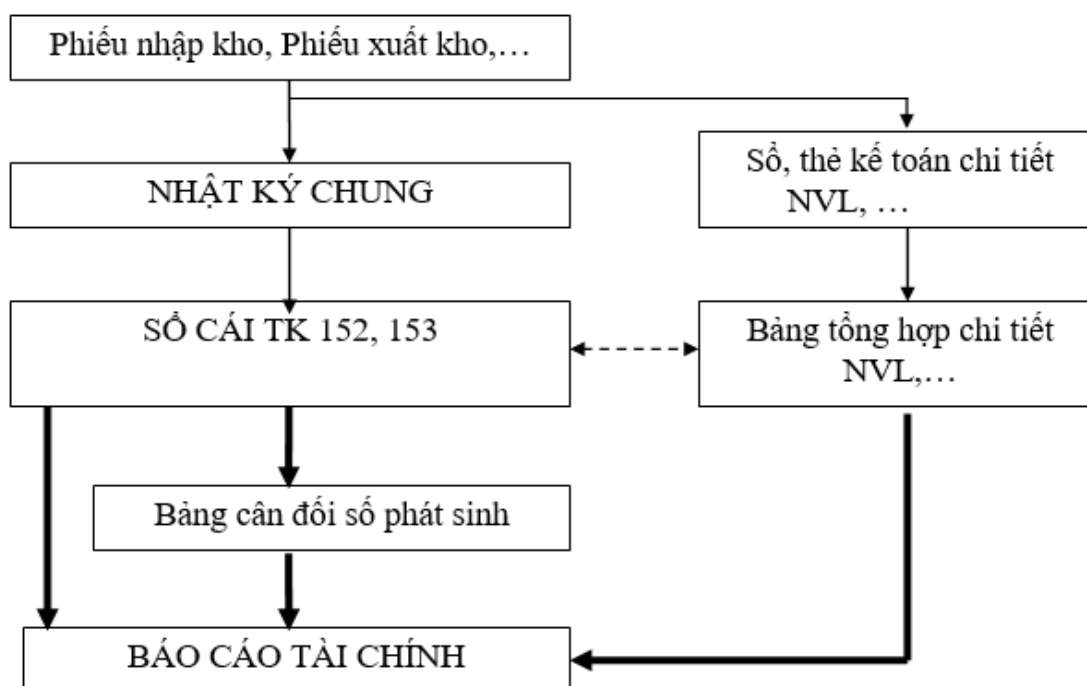
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.5.2. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng : \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán:

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung, để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh

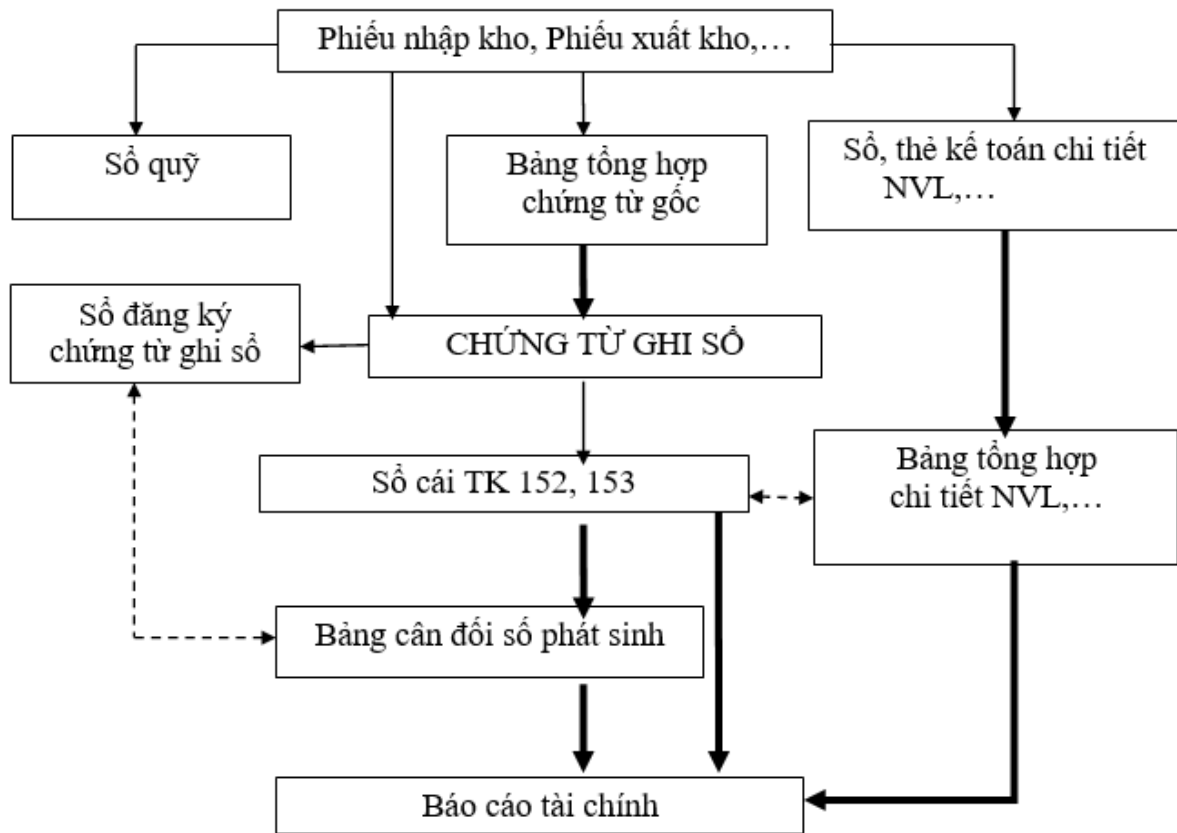
- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

- Đặc điểm: Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

- Ưu điểm: Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.
- Nhược điểm: Khó phân công công việc.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng : —————>

Đối chiếu, kiểm tra : <----->

Sơ đồ 1.7 : Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.5.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi

vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

2. Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

3. Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

(a) Tổng số tiền của cột Phát sinh ở Sổ Nhật ký = Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các tài khoản = Tổng số phát Có của tất cả các tài khoản

(b) Tổng số dư Nợ của các Tài khoản = Tổng số dư Có của các tài khoản

4. Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.5.5. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ (CTGS);
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.5.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

1.5.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

a. Công việc Hàng ngày

Căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

b. Công việc Cuối tháng

Kế toán phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái.

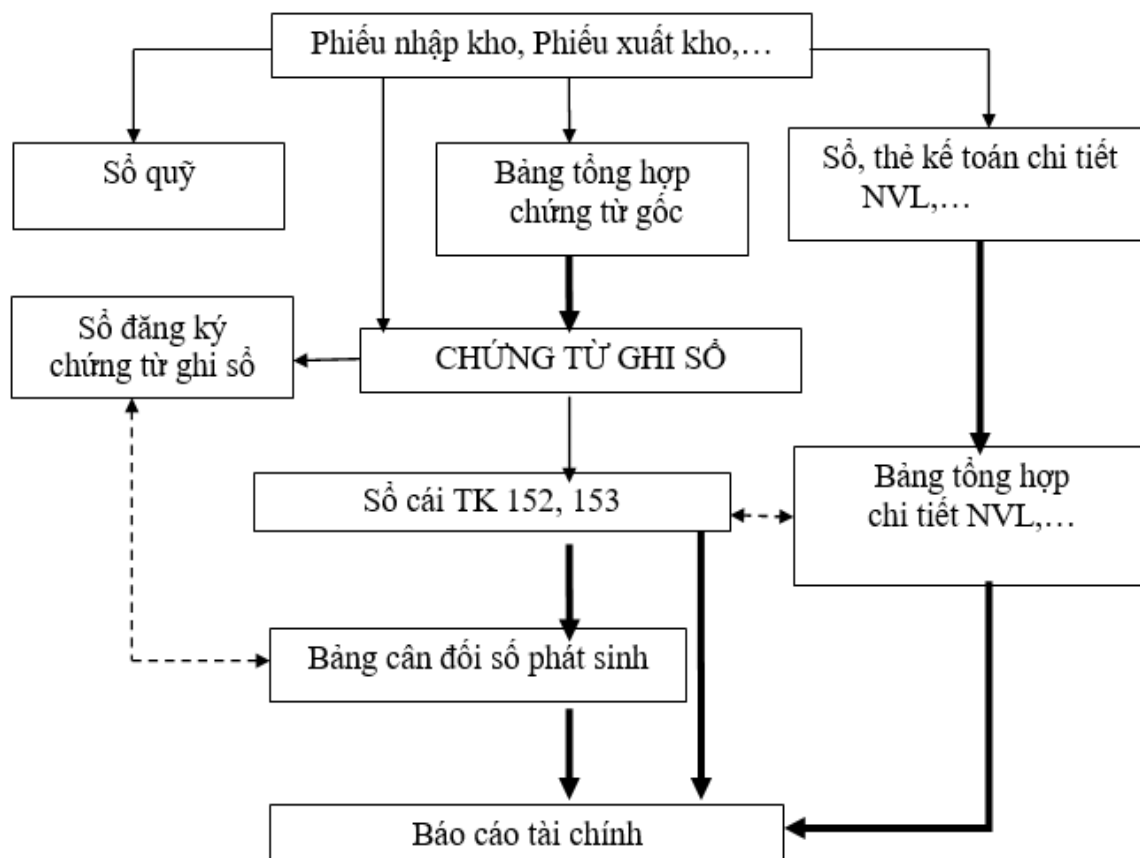
Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

c. Sau khi đối chiếu khớp đúng

Số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :————→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:————→

Đối chiếu, kiểm tra <----->

Sơ đồ 1.8: trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.5.6. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê;

- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.5.6.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Nội dung và trình tự phản ánh vào các sổ sách kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ kết hợp giữa việc ghi chép các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian

1.5.6.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

a. Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan

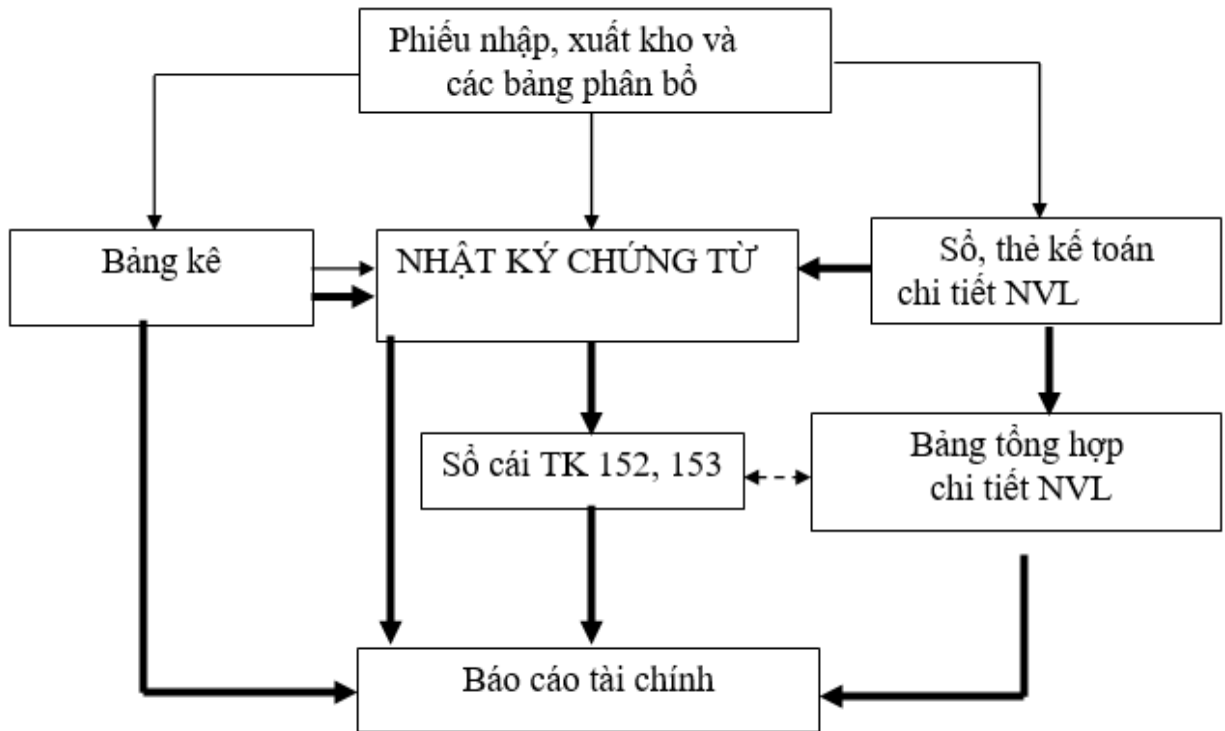
Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

b. Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : \longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chứng từ

1.5.7. Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.5.7.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết lập theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

1.5.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

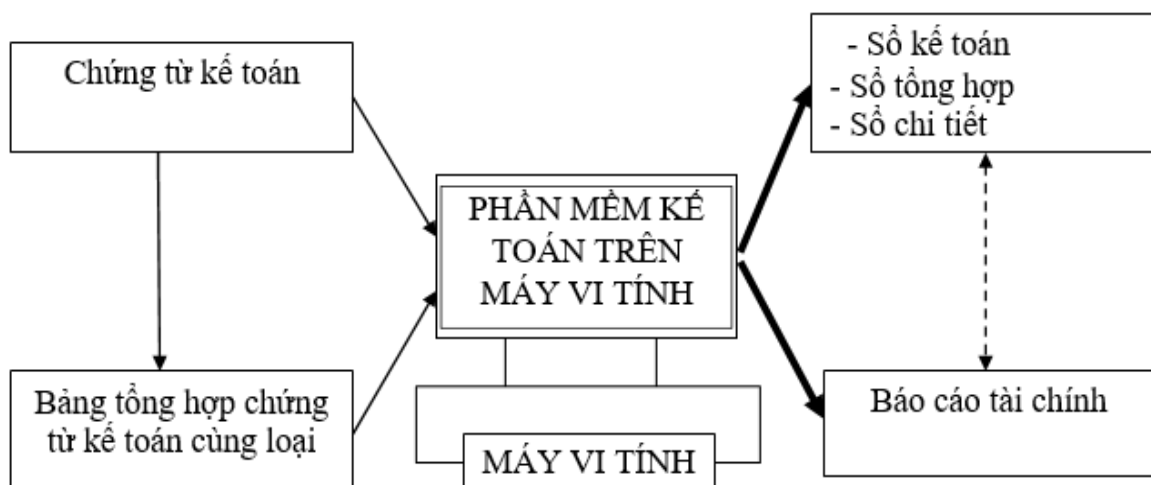
a. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

b. Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày : \longrightarrow
- In sổ, báo cáo cuối tháng: \longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM.

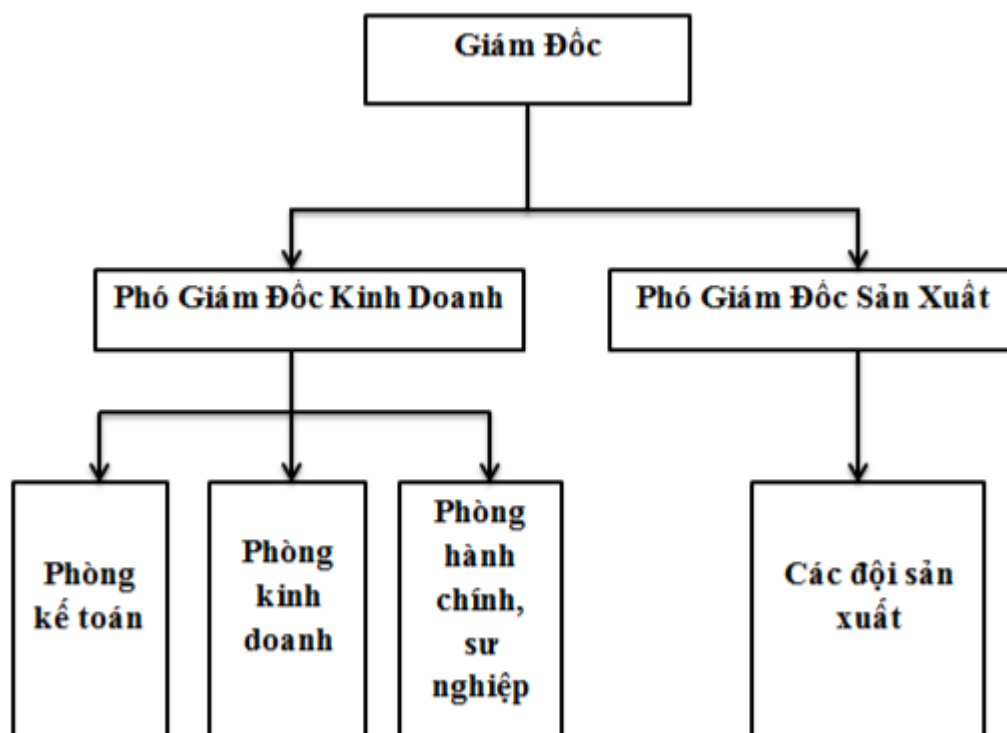
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM
- Tên giao dịch: MIKI INDUSTRY VIETNAM CO.,LTD
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất số 1/2 L2.8 và 1/2L2.9. KCN Đồ Sơn Hải Phòng, P.Ngọc Xuyên, Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 84.2253867892 – Fax : 84.2253867895
- Mã số thuế : 0200612786
- Người đại diện: TAKESHI HASHIMOTO - Tổng Giám Đốc
- Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 47.331.000.000 (Bốn mươi bảy tỷ ba trăm ba mươi một triệu đồng)
- Giấy chứng nhận đầu tư số 022 043 000012 Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp lần thứ 18 ngày 12/05/2015
- Ngày thành lập :10/09/2007
- Ngành, nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	2220	Sản xuất, gia công và lắp ráp các sản phẩm nhựa cho ngành điện, điện tử, thiết bị văn phòng và các sản phẩm bằng nhựa khác
2	2592	Gia công và lắp ráp các sản phẩm kim loại, cao su phục vụ cho ngành ô tô, xe máy, điện tử và các thiết bị văn phòng

2.1.2. Đặc điểm của bộ máy quản lý tại Công ty

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam.

(Nguồn phòng kế toán)

Tổ chức bộ máy của công ty theo kiểu mô hình trực tuyến, đây là mô hình phù hợp với quy mô của công ty nhờ sự thống nhất cao độ, chế độ trách nhiệm rõ ràng thông tin trực tiếp nhanh chóng, chính xác. Khi sử dụng bộ máy này công ty tận dụng và tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn của mình.

2.1.2.2 Chức năng phòng ban

Ta có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- **Tổng Giám Đốc:** Là người đại diện theo pháp luật của công ty. Tổng giám đốc công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm, nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty

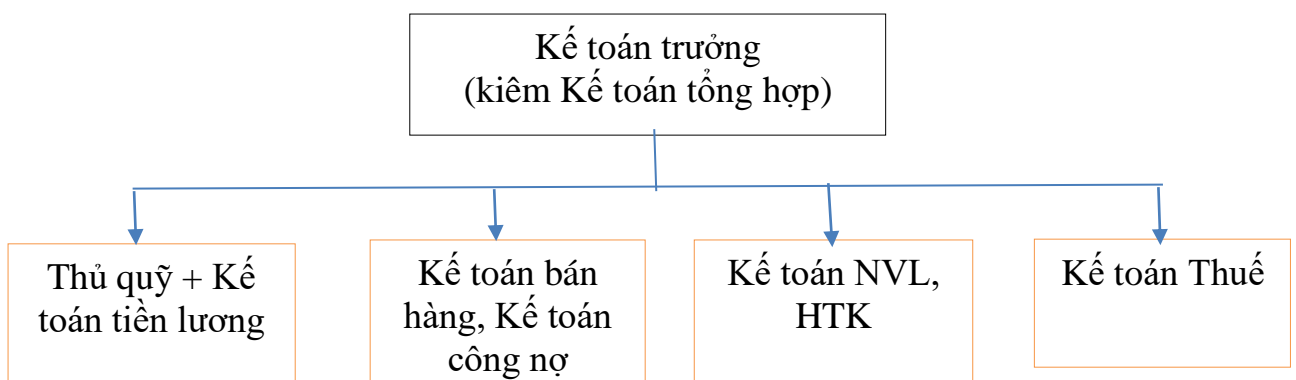
- **Phó Giám Đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. Chịu sự giám sát của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Phó giám đốc là không quá năm năm nhưng có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- *Phòng kế toán:* có chức năng thực hiện các phân hành kế toán, tổ chức công tác hạch toán kế toán, cập nhật, báo cáo và tư vấn cho giám đốc về các hoạt động tài chính kế toán trong công ty.
- *Phòng kinh doanh:* thực hiện chức năng tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh trong công ty. Lập kế hoạch đưa ra các chỉ tiêu kinh doanh hàng quý, năm và chịu trách nhiệm về doanh thu, lợi nhuận của công ty
- *Phòng hành chính, nhân sự:* phụ trách công tác hành chính và tuyển dụng đào tạo và quản lý nhân sự trong công ty.
- *Các đội sản xuất:* đứng đầu là đội trưởng, tổ trưởng người này chịu trách nhiệm về kỹ thuật, quản lý công nhân và cán bộ kỹ thuật tổ, đội mình phụ trách. Dưới đội trưởng, tổ trưởng có các cán bộ kỹ thuật giúp đỡ và công nhân trực tiếp sản xuất.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, công ty TNHH Miki Industry Việt Nam tổ chức và sử dụng hình thức kế toán tập trung. Phòng kế toán được bố trí gồm 4 bộ phận: Kế toán trưởng, kế toán tổng hợp và 2 kế toán phụ trách các phân hành kế toán khác nhau; ngoài ra còn có các nhân viên hạch toán ban đầu tại phân xưởng. Bộ phận kế toán có nhiệm vụ chủ yếu là tổng hợp số liệu kế toán đồng thời thực hiện hạch toán toàn bộ nghiệp vụ kế toán liên quan đến hoạt động của công ty. Đây là bộ máy kế toán duy nhất của đơn vị thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở mọi phân hành kế toán từ khâu thu thập kiểm tra chứng từ, ghi sổ chi tiết đến khâu xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo và lập báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Miki Industry VN
(Nguồn : phòng kế toán)

❖ Chức năng của bộ máy kế toán

- *Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp)*: Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

- *Thu quỹ*: Làm nhiệm vụ thu chi tiền mặt dựa trên các chứng từ phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng, lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định của pháp luật.

- *Kế toán tiền lương*: Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động.

- *Kế toán bán hàng*: Ghi chép, phản ánh kịp thời, chính xác và đầy đủ toàn bộ tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ, cả về giá trị và số lượng hàng hóa, dịch vụ bán trên tổng số và trên từng loại mặt hàng, từng phương thức bán hàng.

- *Kế toán công nợ*: Giám sát thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình kỷ luật thanh toán đồng thời cần kiểm tra định kỳ hoặc cuối kỳ rà soát, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, khoản đã thanh toán và khoản còn nợ.

- *Kế toán nguyên vật liệu*: theo dõi tình hình biến động về xuất – nhập nguyên vật liệu. Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng ít nhất là trong một niên độ kế toán.

- *Kế toán hàng tồn kho*: kiểm soát được số lượng hàng nhập - xuất tại kho, ghi chép từng số liệu liên quan, kiểm tra và lưu giữ những chứng từ của việc xuất – nhập,...Cuối kỳ thực hiện lập báo cáo thống kê những hàng hóa còn tồn đọng

- *Kế toán Thuế*: là bộ phận phụ trách về các vấn đề kê khai, báo cáo và quyết toán thuế trong doanh nghiệp

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.

- Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam đang áp dụng Chế độ Kế toán quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế Độ Kế Toán Doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

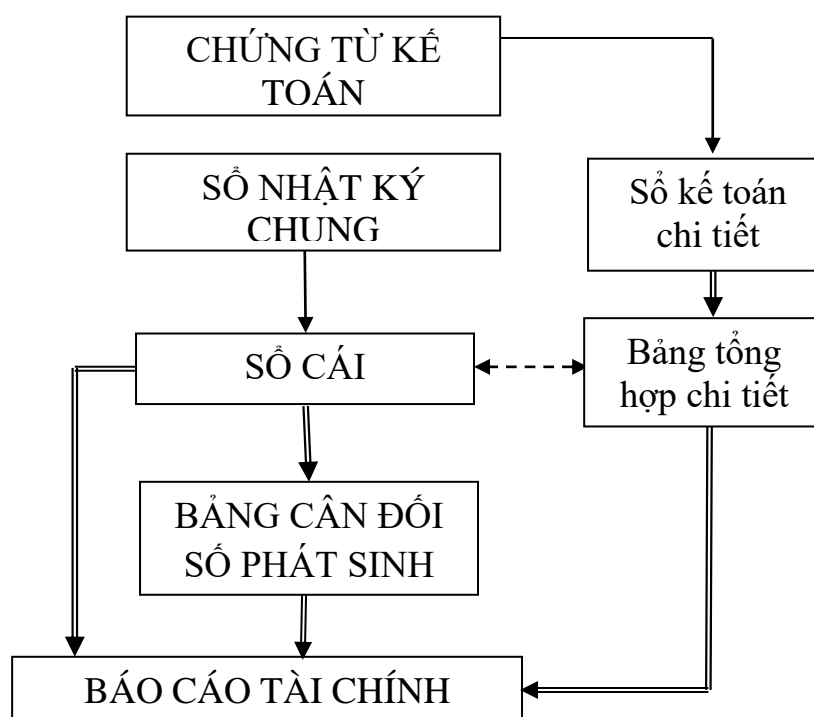
- Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

- Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị kế toán sử dụng để lập báo cáo và ghi sổ là: Đồng Việt Nam
- Tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp: Bình quân gia quyền liên hoàn.

- Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp của tài sản

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh và đặc điểm quản lý, hiện nay Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam đang áp dụng hình thức sổ kế toán “*Nhật ký chung*”

Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau (Sơ đồ 2.3):



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ

Hệ thống báo cáo tài chính áp dụng tại Công ty bao gồm 4 báo cáo bắt buộc là

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu số B02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B02-DN
- Bảng thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.1. Đặc điểm, phân loại và tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.

❖ Đặc điểm

Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam là doanh nghiệp Sản xuất, gia công và lắp ráp các sản phẩm nhựa cho ngành điện, điện tử, thiết bị văn phòng và các sản phẩm bằng nhựa khác nên nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là các hạt

nhựa và thành phẩm thép gia công(khớp nối).

Tất cả các nguyên vật liệu mua về đều được tổ kiểm nghiệm kiểm tra, phù hợp với yêu cầu sử dụng của công ty mới được nhập kho. Nguyên vật liệu được chia thành nhiều loại, quản lý theo các kho riêng biệt tùy theo công dụng và tính năng kỹ thuật riêng. Tại các phân xưởng đều có hệ thống kho nguyên vật liệu phân xưởng, đảm bảo nguyên vật liệu nhập kho từ kho công ty khi vận chuyển kho phân xưởng được bảo quản tốt nhất.

Với đặc điểm trên, việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là rất cần thiết ở Công ty. Vì vậy cần phải tổ chức chặt chẽ và kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở các khâu: bảo quản, thu mua, dự trữ và sử dụng. Đây là một yêu cầu tất yếu khách quan trong công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vì nó góp phần không nhỏ tới hiệu quả kinh tế của công ty nên kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

❖ Phân loại:

NVL chính: là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành lên thực thể sản phẩm mà công ty sản xuất như :Các loại hạt nhựa nguyên sinh và thép gia công

NVL phụ: là đối tượng lao động có vai trò phụ trợ cho quá trình sản xuất được sử dụng kết hợp với NVL chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng của sản phẩm như: Khuôn đúc nhựa, khuôn đúc bằng thép.....

Nhiên liệu: để tạo ra năng lượng phục vụ cho các máy móc, phương tiện vận tải hoạt động trong công ty như: xăng, dầu, than...

Phế liệu thu hồi: Phế liệu nhựa trắng, Phế liệu nhựa đen

2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty.

Phương pháp tính giá nguyên vật liệu nhập kho

❖ Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho:

Tất cả các loại NVL sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đều ghi theo giá thực tế và giá được tính cho NVL nhập trong kỳ là giá thực tế nhập kho. Phương pháp tính:

$$\text{Giá thực tế của NVL nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Các khoản giảm trừ (nếu có)}$$

Đối với nguyên vật liệu gia công, chế biến nhập kho:

$$\text{Giá thực tế} = \text{Giá thực tế NVL} + \text{Chi phí chế biến}$$

Giá thực tế của NVL nhập kho tự chế biến và các chi phí của quá trình chế biến được định mức cho từng sản phẩm. Do đó, đối với NVL lắp đặt công trình, Công ty tính giá thực tế nhập kho theo giá kế hoạch.

Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Do tính chất và đặc điểm hoạt động sản xuất nên Công ty đang áp dụng phương pháp xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn.

2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.

Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam đã áp dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

Theo phương pháp này tại phòng kế toán và tại kho tiến hành ghi chép như sau:

❖ Trình tự ghi chép ở kho

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ nhập xuất kho, thủ kho ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Sau mỗi nghiệp vụ nhập xuất tính ra số lượng tồn kho và ghi vào thẻ kho. Thủ kho thường xuyên đối chiếu với số lượng thực trong kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn khớp nhau. Định kỳ 3 đến 5 ngày, sau khi ghi vào thẻ kho, thủ kho chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất về phòng kế toán.

❖ Trình tự ghi chép ở phòng kế toán

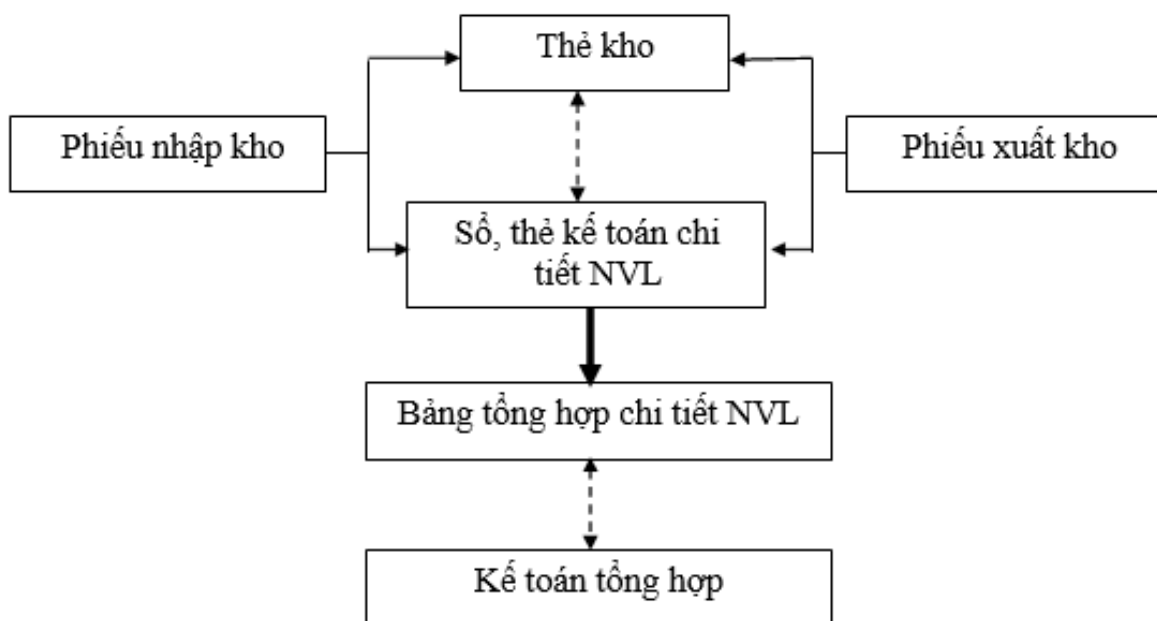
+ Kế toán sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn NVL cả về số lượng và giá trị.

+ Định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất NVL được các thủ kho chuyển lên, kế toán tiến hành kiểm tra và phản ánh vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

+ Cuối tháng, sau khi ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán tiến hành cộng tổng nhập, tổng xuất và tổng tồn kho về mặt số lượng và giá trị. Sau đó, tiến hành đối chiếu với các Sổ theo dõi nguyên vật liệu do các thủ kho chuyển lên.

+ Đồng thời, cuối tháng kế toán căn cứ vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu và Sổ theo dõi nguyên vật liệu của thủ kho để lập Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu.

Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành ghi số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Đến cuối tháng, kế toán vật tự tập hợp các thẻ kho lại để kiểm tra và đối chiếu với sổ chi tiết nguyên vật liệu.



Sơ đồ 2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Ví dụ 1: Ngày 15/02/2021, Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam mua nhập kho 100kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY của Công ty TNHH Công nghiệp Nhựa Kyowa Việt Nam, với đơn giá là 101.050đ/kg, trị giá lô hàng là 10.105.000đ (chưa bao gồm VAT), theo hóa đơn số 0000125 ngày 15/02/2021, thanh toán bằng TGNH

Căn cứ vào hóa đơn số 0000125 (**Biểu số 2.1**), kế toán viết phiếu nhập kho số PNK056 (**Biểu số 2.2**), sau đó căn cứ vào PNK056 Thủ kho ghi Thẻ kho (**Biểu số 2.6**) và Kế toán ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.7**).

Ví dụ 2: Ngày 17/02/2021, Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam xuất kho 150kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY phục vụ sản xuất kinh doanh (Biết rằng: Trong tháng tính đến thời điểm ngày 17/02/2021 Công ty có nhập 2 lần nguyên liệu Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY:

Lần 1: Nhập 200kg ngày 07/02/2021 với đơn giá là 100.050/kg

Ngày 08/02/2021, Xuất kho 150kg (biết rằng tồn đầu kỳ =0)

Như vậy: Số lượng NVL Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY còn lại tính đến hết ngày 08/02/2021: 50kg với đơn giá nhập là 100.050(đ/kg)

Lần 2: Nhập 100kg ngày 15/02/2021 với đơn giá là 101.050/kg(VĐ1)

=>Đơn giá xuất kho 150kg Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY là :

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{50 \cdot 100.050 + 100 \cdot 101.050}{50 + 100} = 100.716 (\text{đ/kg})$$

Định khoản:

Nợ TK 621: 15.107.500

Có TK 152: 15.107.500

Sau khi nhận được giấy đề nghị cấp vật tư (**Biểu số 2.4**), kế toán viết phiếu Xuất kho số P XK037 (**Biểu số 2.5**), sau đó căn cứ vào P XK037 Thủ kho tiến hành lập Thẻ kho (**Biểu số 2.6**) và Kế toán ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.7**)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000125



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao người mua

Ký hiệu: AA/21P

Ngày 15 tháng 02 năm 2021

Số: 0000125

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Công nghiệp Nhựa Kyowa Việt Nam

Mã số thuế: 0201629165

Địa chỉ: Lô F2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 8438756885 Fax: 84 3250 250

STK: 2077168688 Ngân hàng: TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thanh Tùng

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM**

Mã số thuế: 0200612786

Địa chỉ: Lô đất số ½ L2.8 và ½ L2.9, KCN Đồ Sơn, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, Việt Nam

STK: 0071004619999 Ngân hàng: TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK/TM

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	Kg	100	101.050	10.105.000

Cộng tiền hàng: 10.105.000

Thuế suất GTGT:..... 10%.....

Tiền thuế GTGT: 1.010.500

Tổng cộng tiền thanh toán 11.115.500

Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm mười năm nghìn năm trăm đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)
--	--	---

Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho số 056

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM

Mẫu số 01-VT

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15 tháng 02 năm 2021

Số: 056

Nợ: 152

Có: 1121

- Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Thanh Tùng

- Theo hóa đơn số 0000125

Nhập tại kho (ngăn lô):...Kho nguyên vật liệu (HN).....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	2016G C001	Kg	100	100	101.050	10.105.000
<hr/>							
Cộng				100	100		10.105.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng.

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.3: Ủy nhiệm chi số 1325



ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Số 1325

Ngày (Date): 15/02/2021

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TẠI KHOẢN (Please Debit account):

Số TK (A/c No.): 007 100 4619999

Tên TK (A/c Name): CTY TNHH MIKI INDUSTRY VN

Địa chỉ (Address): Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đô Sơn, HP

Tại NH (with bank): Vietcombank - CN TP. HP

& GHI CÓ TÀI KHOẢN (& Credit account):

Số TK (A/c No.): 207716868

Tên TK (A/c Name): CTY TNHH CN NHỰA KYOWA VN

Địa chỉ (Address): KCN Trảng Duyệt, An Dương, Hải Phòng

Tại NH (with bank): VP bank - CN Hải Phòng

SỐ TIỀN (with amount)

Bằng số (In figures) 11.115.500 VND **Phí trong** (including)

Bằng chữ (in words) Mười một triệu một trăm mười năm nghìn năm trăm đồng **Phí ngoài** (excluding)

Nội dung (details of payment):

Thanh toán mua NVL theo HĐ số 0000125

Kế toán trưởng **Chủ tài**
Chief Accountant **khoản ký và**

Bùi Hồng Hằng



DÀNH CHO NGÂN HÀNG (for Bank's Use only) - MÃ VAT:

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc



Biểu số 2.4: Giấy đề nghị cung cấp vật tư, NVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---□□□---

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

Tôi tên: Trần Thanh Tùng

Thuộc tổ sản xuất, gia công của Công ty

Hôm nay ngày 17/02/2021, đề nghị Ban lãnh đạo duyệt cấp một số vật tư cho tổ sản xuất để với số lượng như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
01	Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	Kg	150

Trân trọng!

Hải Phòng, ngày 17 tháng 02 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 1702

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY

VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,

Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo Thông tư

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 02 năm 2021

Số: P XK037

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người giao hàng: Trần Thanh Tùng

Xuất tại kho (ngăn lô):...Kho nguyên vật liệu (HN).....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	2016GC001	Kg	150	150	100.716	15.107.500
	Cộng			150	150		15.107.500

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.6: Thẻ kho

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY
VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/02/2021

Tên Nguyên vật liệu: Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT
DARK GRAY

Mã số: 2016GC001

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày Tháng	Số hiệu ctừ		Diễn giải	Ngày N – X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
1				<u>Tồn đầu kỳ</u>				-	
1	07/02/ 2021	NK05 0		NK Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	07/022 021	200		200	
2	08/02/ 2021		XK0 25	XK Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	08/022 021		150	50	
3	15/02/ 2021	NK05 6		NK Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	15/02/ 2021	100		150	
4	17/02/ 2021		XK0 37	NK Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	17/02/ 2021		150	0	
..
				<u>Tồn cuối kỳ</u>		500	450	50	

Người ghi sổ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2021
Kế toán trưởng

Giám Đốc
(Nguồn: phòng kế toán)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tên vật liệu: Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY

Năm 2021

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Số dư đầu kỳ</u>							0	0
NK050	07/02/2021	Nhập kho 200kg	1121	100.050	200	20.010.000			200	20.010.000
XK071	08/02/2021	Xuất kho 150kg	621	100.050			150	15.007.500	50	5.002.500
NK056	15/02/2021	Nhập kho 100kg	1121	101.050	100	10.105.000			150	15.107.500
XK075	17/02/2021	Xuất kho 150kg	621	100.716			150	15.107.500	-	-
...	300	337.038.600
		Cộng phát sinh			10.600	172.197.300	10.300	127.163.800		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							300	337.038.600

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Ví dụ 3: Ngày 24/02/2021 Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam mua nhập kho 75kg Hạt nhựa Super Clean MG10 với đơn giá 202.400đ/kg của Công ty TNHH ARC-TECH. Tổng thanh toán đơn hàng là 15.180.000(chưa bao gồm VAT 10%), thanh toán bằng TGNH

Định khoản:

1, Nợ TK 152:	15.180.000
Nợ TK 1331:	1.518.000
Có TK 1121:	16.698.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002742(**Biểu số 2.8**), kế toán viết phiếu nhập kho số PNK067(**Biểu số 2.9**), sau đó căn cứ vào PNK067 kế toán lập Thẻ kho(**Biểu số 2.13**)và sổ chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.14**) .

Ví dụ 4: Ngày 25/02/2021, Công ty xuất kho 25kg Hạt nhựa Super Clean MG10 để vệ sinh lòng máy đúc nhựa. Biết rằng:

Tính đến thời điểm ngày 25/02/2021, tồn còn lại của Hạt nhựa Super Clean MG10 là 75kg với đơn giá nhập là 202.400đ/kg

=>Đơn giá Xuất kho 25kg Hạt nhựa = 202.400đ/kg

Định khoản

Nợ TK 621:	5.060.000
Có TK 152:	5.060.000

Sau khi nhận được giấy đề nghị cấp vật tư(**biểu 2.11**), kế toán viết phiếu Xuất kho số P XK040(**biểu 2.12**), sau đó căn cứ vào P XK040Thủ kho tiến hành lập Thẻ kho(**biểu 2.13**) và kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu(**biểu 2.14**)

Biểu số 2.8: Hóa đơn GTGT số 0002742

<p style="text-align: center;">CÔNG TY TNHH ARC-TECH (ARC-TECH COMPANY LIMITED)</p> <p>Mã số thuế (Tax code): 0312796281 Địa chỉ (Address): 502/11/1A Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh Điện thoại (Tel): Fax: 028.37734934 Số tài khoản (Bank A/C): (VND) 140214851371122 - (USD) 140214851371133 tại Ngân hàng Eximbank - CN Quận 4 (VND) 113002618055 - (USD) 111002618057 tại ngân hàng Vietinbank - CN Nam Sài Gòn</p>				
<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)</p> <p><i>Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)</i></p> <p>Ngày (Date) 24 tháng (month) 02 năm (year) 2021</p>			<p>Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: AT/19E Số: 0002742</p>	
<p>Người mua hàng (Buyer):</p> <p>Địa chỉ (Company): CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM Mã số thuế (Tax code): 0200612786 Địa chỉ (Address): Lô đất số ½ L2.8 và ½ L2.9, Khu Công Nghiệp Đồ Sơn Hải Phòng, Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam. Phương thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank A/C):</p>				
Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
2	3	4	5	6=4x5
Hạt nhựa (Super Clean MG10)	kg	75	202.400	15.180.000
Cộng tiền hàng (Total before VAT):				15.180.000
GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):	1.518.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				16.698.000
<p>Viết bằng chữ (TAmount in words): Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn.</p>				
<p>Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)</p>			<p>Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)</p>	
<p>BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI</p>			<p>Ký bởi: CÔNG TY TNHH ARC-TECH Ký ngày: 24/02/2021</p>	
<p>(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)</p> <p>Code hóa đơn (Invoice code): 0VUSTVNAZ9V</p>				

Biểu số 2.9: Phiếu nhập kho số NK67

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY
VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng
BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 24 tháng 02 năm 2021

Số: NK067

Nợ: 152

Có: 1121

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Khánh

- Theo Hóa đơn số 0002742 ngày 24/02/2021

Nhập tại kho (ngăn lô):...Kho nguyên vật liệu (HN).....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa Super Clean MG10	SCM	kg	2742	75	202.400	15.180.000
2							
3							
...							
Cộng					75		15.180.000

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu số 2.10: Chứng từ thanh toán(UNC điện tử)

Thanh toán

Chuyển khoản trong hệ thống

Chuyển khoản liên ngân hàng

Tiền gửi trực tuyến

Nộp thuế điện tử

Thông tin dịch vụ

Dịch vụ công

Báo cáo TLĐLĐ

LIÊN HỆ

Ngày Giao dịch	29/04/2021 16h 21' 53
Ngày Hạch toán	29/04/2021
Từ Tài khoản	2100201342380
Đến Tài khoản	21000TT211015881
Số Dư trước	98.933.169
Số Tiền Giao dịch	16.698.000
Số Dư	82.235.169
Loại tiền	VND
Diễn giải	Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo HĐ 2742 ngày 24/2/2021
Chi nhánh	2100
Trạng thái	Thành công

Biểu số 2.11: Giấy đề nghị cung cấp vật tư, NVL (biểu số bnhiu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---□□□---

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Ban lãnh đạo Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

Tôi tên: Trần Thanh Tùng

Thuộc tổ sản xuất, gia công của Công ty

Hôm nay ngày 25/02/2021, đề nghị Ban lãnh đạo duyệt cấp một số vật tư cho tổ sản xuất để với số lượng như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
01	Hạt nhựa Super Clean MG10	Kg	25

Mục đích sử dụng: Tẩy trắng lòng máy đúc nhựa.

Trân trọng!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho
CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY
VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày.25 tháng 02 năm 2021

Số: P XK040

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Thị Ngọc

Địa điểm xuất kho tại: Kho nguyên vật liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa Super Clean MG10	SCM	Kg	25	25	202.400	5.060.000
Cộng							5.060.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu không trăm sau mươi nghìn đồng.

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Nguồn : phòng kế toán)

Biểu số 2.13: Thẻ kho

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY
VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo Thông tư
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng
BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/02/2021

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật liệu: Hạt nhựa Super Clean MG10

Mã số: SCM

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày Tháng	Số hiệu ctừ		Diễn giải	Ngày N – X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
1				<u>Tồn đầu kỳ</u>				-	
..
1	24/02/ 2021	PNK 067		NK Hạt nhựa Super Clean MG10	24/02/ 2021	75		75	
2	25/02/ 2021		PXK 040	XK Hạt nhựa Super Clean MG10	25/02/ 2021		25	50	
3									
4									
				<u>Tồn cuối kỳ</u>		75	25	50	

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Nguồn: phòng kế toán)

Biểu số 2.14: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Năm 2021

Số hiệu:152

Tên vật liệu: Hạt nhựa Super Clean MG1

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Số dư đầu kỳ</u>							0	0
...
NK067	24/02/2021	Nhập kho 75kg	152	202.400	75	15.180.000			75	15.180.000
XK040	25/02/2021	Xuất kho 25kg	621	202.400			25	5.060.000	50	10.120.000
XK043	27/02/2021	Xuất kho 25kg	621	202.400			25	5.060.000	25	5.060.000
...
		Cộng phát sinh			575	116.380.000	575	116.380.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							-	-

Hải
Phòng,
ngày
31
tháng
12 năm

2021

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam

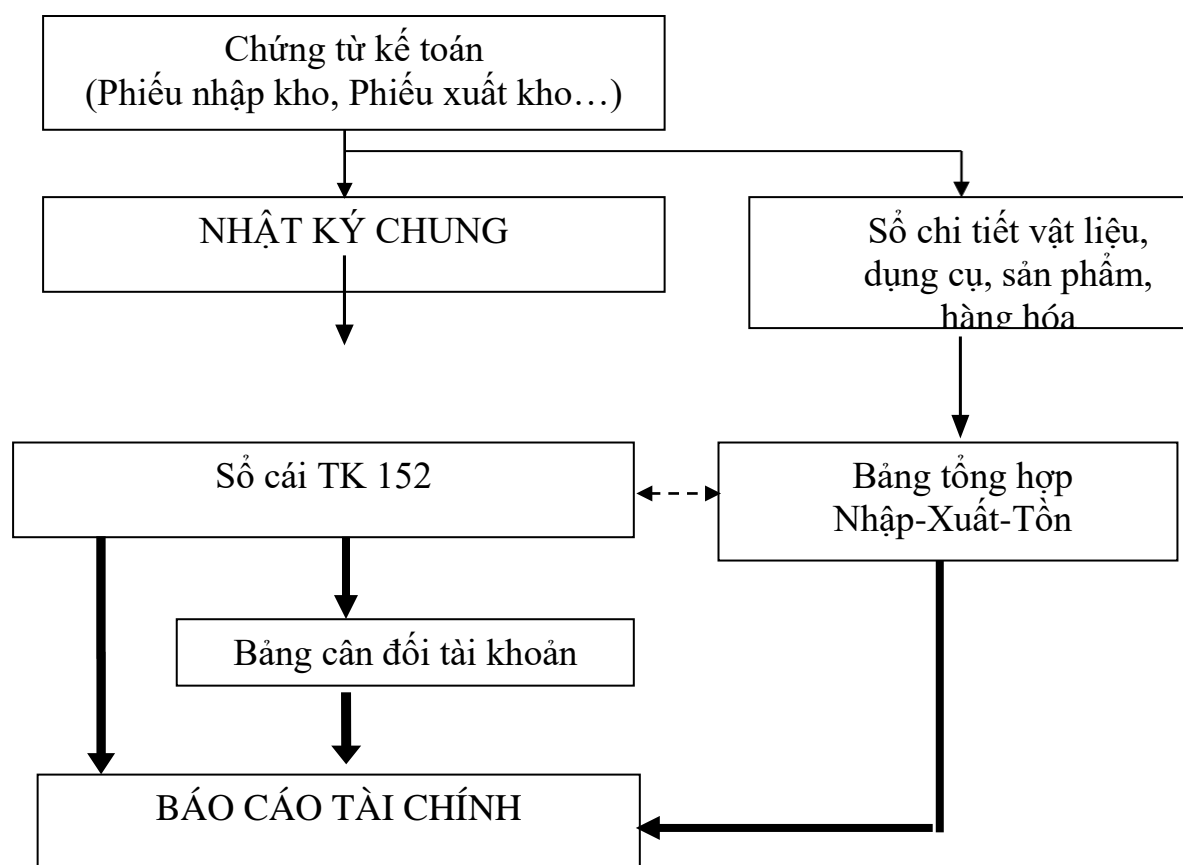
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế, Đơn đặt hàng
- Tờ khai xuất nhập khẩu, Commercial Invoice, Packing list, CO
- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hoá, nguyên vật liệu
- Thẻ kho, Phiếu nhập kho, xuất kho
- Hoá đơn giá trị gia tăng.

2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu
- Các tài khoản có liên quan khác: 622, 111,...

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow
- Đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15/02/2021, Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam mua nhập kho 100kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY của Công ty TNHH Công nghiệp Nhựa Kyowa Việt Nam, với đơn giá là 101.050đ/kg, trị giá lô hàng là 10.105.000đ (chưa bao gồm VAT), theo hóa đơn số 0000125 ngày 15/02/2021, thanh toán bằng TGNH.

Căn cứ vào phiếu nhập kho số PNK056 (**Biểu số 2.2**) Kế toán ghi sổ Nhật ký chung(**Biểu số 2.15**). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 152(**Biểu số 2.16**)

Cuối kỳ , căn cứ vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.17**) đồng thời đối chiếu Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết vật tư

Ví dụ 2: Ngày 17/02/2021, Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam xuất kho 150kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY phục vụ sản xuất kinh doanh (Biết rằng: Trong tháng tính đến thời điểm ngày 17/02/2021 Công ty có nhập 2 lần nguyên liệu Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY.

Lần 1: Nhập 200kg ngày 07/02/2021 với đơn giá là 100.050/kg

Ngày 08/02/2021, Xuất kho 150kg (biết rằng tồn đầu kỳ =0)

Như vậy: Số lượng NVL Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY còn lại tính đến hết ngày 08/02/2021: 50kg với đơn giá nhập là 100.050(đ/kg)

Lần 2: Nhập 100kg ngày 15/02/2021 với đơn giá là 101.050đ/kg(VĐ1)

=>Đơn giá xuất kho 150kg Hạt nhựa ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY là :

$$\text{Đơn giá} = \frac{50 \cdot 100.050 + 100 \cdot 101.050}{50 + 100} = 100.716 \text{ (đ/kg)}$$

Căn cứ vào phiếu Xuất kho số P XK037(**Biểu số 2.5**) Kế toán ghi sổ Nhật ký chung(**Biểu số 2.15**). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 152(**Biểu số 2.16**)

Cuối kỳ , căn cứ vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.17**) đồng thời đối chiếu Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết vật tư

Ví dụ 3: Ngày 24/02/2021 Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam mua nhập kho 75kg Hạt nhựa Super Clean MG10 với đơn giá 202.400đ/kg của Công ty TNHH ARC-TECH. Tổng thanh toán đơn hàng là 15.180.000(chưa bao gồm VAT 10%), thanh toán bằng TGNH

Định khoản:

1, Nợ TK 152: 15.180.000
 Nợ TK 1331: 1.518.000
 Có TK 1121: 16.698.000

Căn cứ vào phiếu nhập kho số PNK067(**Biểu số 2.9**), Kế toán ghi sổ Nhật ký chung(**Biểu số 2.15**). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 152(**Biểu số 2.16**)

Cuối kỳ , căn cứ vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.17**) đồng thời đối chiếu Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết vật tư

Ví dụ 4: Ngày 25/02/2021, Công ty xuất kho 25kg Hạt nhựa Super Clean MG10 để vệ sinh lòng máy đúc nhựa. Biết rằng:

Tính đến thời điểm ngày 25/02/2021, tồn còn lại của Hạt nhựa Super Clean MG10 là 75kg với đơn giá nhập là 202.400đ/kg

=>Đơn giá Xuất kho 25kg Hạt nhựa = 202.400đ/kg

Định khoản

 Nợ TK 621: 5.060.000
 Có TK 152: 5.060.000

Căn cứ vào phiếu Xuất kho số P XK040(**biểu 2.12** Kế toán ghi sổ Nhật ký chung(**Biểu số 2.15**). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 152(**Biểu số 2.16**)

Cuối kỳ , căn cứ vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.17**) đồng thời đối chiếu Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết vật tư

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung năm 2021

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số 03A-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNGĐơn vị tính: **Đồng**

Trích Tháng 02 năm 2021

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày hàng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
15/02/ 2021	NK056	15/02 /2021	Nhập kho 100kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	152	10.105.000	
				1331	1.010.500	
				1121		11.115.500
...
17/02/ 2021	XK037	17/02 /2021	Xuất kho 150kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	621	15.107.500	
				152		15.107.500
...
24/02/ 2021	NK067	24/02 /2021	NK Hạt nhựa Super Clean MG10	152	15.180.000	
				1331	1.518.000	
				331		16.698.000
...
25/02/ 2021	XK040	25/02 /2021	NK Hạt nhựa Super Clean MG10	621	5.060.000	
				152		5.060.000
...
28/02/ 2021	NTTK 280221	28/02 /2021	Thu phí gia công theo HĐ số 0001258	1122	142.660.000	
				131		142.660.000
...
			Tổng		447.830.820.244	447.830.820.244

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: phòng kế toán)

Biểu số 2.16: Sổ cái TK 152

CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM

Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-
BTC

Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Trích Tháng 2 năm 2021

Tên tài khoản : 152 - Nguyên liệu, vật liệu

NH GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ		408.167.330	
...
15/02/ 2021	PNK 056	15/02/ 2021	Nhập kho 100kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	1121	10.105.000	
...
17/02/ 2021	PXK 037		Xuất kho 150kg Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	621		15.107.500
...
24/02/ 2021	PNK 067	24/02/ 2021	Nhập kho hạt nhựa Super Clean MG10	331	16.698.000	
...
25/02/ 2021	PXK 040	25/02/ 2021	Xuất kho hạt nhựa Super Clean MG10	621		5.060.000
...
			-Cộng phát sinh trong tháng		2.770.258.050	2.737.347.427
			- Số dư cuối kỳ		441.077.943	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán)

Biểu số 2.17; Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu**CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM**Lô đất số 1/2L2.8 & 1/2L2.9, KCN Đồ Sơn,
Q.Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số S11-DN**(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC)**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tên tài khoản: 152 – Nguyên vật liệu

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên quy cách, vật liệu	Số tiền			
		Tồn trong kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Hạt nhựa PC	239.265.000	1.534.365.000	1.693.875.000	79.755.000
2	Hạt nhựa nguyên sinh ABS HF380 8R735 INTELLIGENT DARK GRAY	-	172.197.300	127.163.800	-
3	Khớp nối bằng thép gia công	14.947.233	172.500.280	115.977.130	71.470.383
4	Hạt nhựa Super Clean MG10		116.380.000	116.380.000	0
5	Hạt nhựa oxi xanh VR24	34.857.807	69.731.867	88.525.040	16.064.634
...
	Cộng	408.167.330	2.770.258.050	2.737.347.427	441.077.943

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021*Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: phòng kế toán)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MIKI INDUSTRY VIỆT NAM

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Tổ chức công tác kế toán

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật kí chung là hoàn toàn phù hợp làm cho công việc kế toán phát sinh hàng ngày được cập nhật, xử lí nhanh, hiệu quả, kịp thời từ đó đáp ứng yêu cầu quản trị của lãnh đạo doanh nghiệp. Nhìn chung công tác hạch toán kế toán tại đơn vị phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay.

- Công việc kế toán cụ thể cho từng kế toán viên phù hợp với trình độ năng lực chuyên môn của từng người, các bộ phận kế toán thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Luôn có sự thống nhất và liên kết giữa các bộ phận với nhau làm cho công tác vận hành bộ máy kế toán ngày càng tốt và càng thích hợp với nhu cầu của thực tiễn.

- Kế toán ghi chép kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình nhập xuất hàng hóa hàng ngày, thanh toán công nợ giữa người mua và người bán. Công việc lập các báo cáo tài chính định kì cuối tháng, cuối quý, cuối năm theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị để cung cấp thông tin cho nhà quản trị công ty đã thực hiện tốt.

- Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, năng động, nhiệt tình và nhiều sáng tạo do đó họ có được sự nhạy bén về cả kĩ năng và chuyên môn.

3.1.1.2. Tổ chức công tác kế toán Nguyên vật liệu

- *Đối với công tác thu mua:* Công ty có cán bộ thu mua tương đối linh hoạt, am hiểu về chất lượng và giá cả thị trường nên việc mua nguyên liệu tương đối ổn định. Bên cạnh đó Công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có các mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ số lượng cũng như quy cách phẩm chất của nguyên liệu, giao hàng đúng hạn và kịp thời để công ty có thể sử dụng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm được tiến hành liên tục.

- *Đối với công tác dự trữ, bảo quản :* Công ty có hệ thống kho được tổ chức một cách khoa học đảm bảo hợp lý theo tính năng công dụng cũng như yêu cầu bảo quản của từng nguyên vật liệu, phù hợp với tính chất lý hóa của từng loại vật tư. Ngoài ra nhân viên quản lý kho có tinh thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn tốt nên việc quản lý nguyên vật liệu được thực hiện khá nề nếp ,

đảm bảo vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình hình thất thoát vật tư gây thiệt hại cho công ty.

- *Đối với công tác sử dụng nguyên vật liệu*: Công ty luôn khuyến khích nhân viên sử dụng tiết kiệm-tối ưu NVL để giảm chi phí kinh doanh và phần nào tạo được thói quen sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả.

- *Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu*: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa do vậy hàng hóa luôn được theo dõi thường xuyên kiểm tra liên tục.

- *Về phương thức tính số NVL*: Công ty đánh giá NVL theo giá trị thực tế và tính giá xuất kho theo từng loại NVL để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty và phản ánh chính xác lượng xuất kho trong ngày, tháng, quý, năm. Mọi số liệu ở phòng kế toán thường xuyên được đối chiếu, xác nhận với các kho đảm bảo đầy đủ chính xác lượng hàng luân chuyển trong kỳ từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho phòng kinh doanh lập kế hoạch kinh doanh trong kỳ tiếp theo và các phòng ban liên quan khác. Đồng thời công ty cũng áp dụng phương pháp thẻ song song đơn giản dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu, cung cấp thông tin nhanh cho nhà quản trị.

- *Về hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán*: Công ty áp dụng theo thông tư 200 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính, luân chuyển sổ hợp lý, khoa học trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chế độ hiện hành của công ty. Các sổ kế toán như sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản, các báo cáo tài chính được lập có hệ thống, trung thực hiệu quả và chính xác cao.

- *Về công tác nhập kho và xuất kho NVL*:

+ Việc hạch toán báo sổ hàng ngày cho các kho giúp kế toán công ty kiểm tra được số lượng hàng hóa bán ra trong ngày của toàn công ty và quản lý chặt chẽ lượng NVL từ đó phản ánh chính xác tình hình nhập xuất tồn NVL.

+ Bảo quản chứng từ NVL có liên quan đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa nói riêng hoàn toàn phải có trình tự các chứng từ gốc phát sinh đến báo cáo tổng hợp cuối tháng được sắp xếp, phân loại, đánh giá, kiểm tra giám sát của phòng kế toán bảo đảm an toàn, kịp thời cung cấp thông tin kế toán và tính bí mật cho công ty.

⇒ Việc hạch toán NVL giữ một vai trò rất quan trọng giúp công ty theo dõi và bám sát tình hình nhập và xuất NVL cho Ban lãnh đạo công ty đưa ra những quyết định đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn từ đó thúc đẩy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ NVL đầu kì được quản lí và theo dõi chính xác về mặt số lượng và mặt giá trị. Được lưu trong kho bãi bảo quản đảm bảo NVL tồn kho luôn giữ được chất lượng.

+ NVL nhập kho đảm bảo đầy đủ các chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho.

+ NVL được quản lí chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh đều phải có kế hoạch từ trước và được giám đốc thông qua. Trong quá trình xuất kho và nhập kho NVL phải chi tiết rõ ràng, hợp lí về bộ phận kinh doanh, có mối liên hệ thống nhất giữa phòng kinh doanh và phòng kế toán.

=> Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập kho và xuất kho NVL tại Công ty trong công tác quản lí, hạch toán kế toán hàng tồn kho được chính xác đảm bảo chất lượng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Trong công tác hạch toán chi tiết hàng hóa tồn kho, giữa phòng kế toán thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thủ kho theo dõi NVL, quản lí chi tiết NVL, kế toán theo dõi chi tiết NVL thông qua sổ chi tiết NVL theo dõi cuống kho để kiểm tra việc ghi chép hàng của thủ kho về nhận phiếu nhập kho và phiếu xuất kho hàng.

Nhìn chung việc tổ chức quản lí và hạch toán NVL tại Công ty đã được tiến hành thường xuyên và đầy đủ thủ tục theo yêu cầu. Ngoài ra, Công ty luôn đề ra kế hoạch, mục tiêu nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán, đảm bảo phù hợp với sự thay đổi của chế độ kế toán hiện nay và phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế.

3.1.1. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam vẫn còn một số những tồn đọng như sau:

Thứ nhất: Về thu hồi phế liệu nhập kho

Khi thu hồi phế liệu không được làm thủ tục nhập kho và kế toán không được hạch toán vào sổ vấn đề này.

=> Điều này dẫn đến mất mát, hao hụt phế liệu đồng thời làm mất mát nguồn thu của Công ty.

Thứ hai: hệ thống danh điểm NVL

Công ty chưa xây dựng được hệ thống danh điểm NVL. Việc quản lí NVL chỉ bằng tên gọi chứ chưa được quản lí theo mã cụ thể.

=> Điều này khiến Công tác kế toán gặp nhiều khó khăn khi quản lí, hạch

toán các vật tư không được sử dụng thường xuyên

Thứ ba: Về dự trữ nguyên vật liệu

Khối lượng nguyên vật liệu mà công ty sử dụng mỗi khi vào thời vụ khá lớn, phong phú và đa dạng về chủng loại. Nhưng do công ty thiếu sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận sản xuất và bộ phận kế toán nên công ty đã không xây dựng được cụ thể, chi tiết định mức tồn kho nguyên vật liệu cho từng sản phẩm tới từng phần xưởng vì vậy có thể gây lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, hay dự trữ ít quá không đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty trong mùa cao điểm. Và chính việc không lập định mức tồn kho khiến công tác quản lý cũng kém hiệu quả.

Thứ tư: Về vấn đề lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát với giá trị thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ thì lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là công tác mà các công ty không thể bỏ qua. Nhưng công ty không thực hiện việc này nên ảnh hưởng khá nhiều đến giá thành sản xuất đặc biệt là trong thời kỳ lạm phát, sẽ làm giá thành sản xuất bị đột ngột.

Thứ năm: Việc luân chuyển chứng từ

Hiện nay Công ty vẫn chưa đưa ra một quy định cụ thể nào về thời gian giao nhận và mẫu sổ biên bản giao nhận chứng từ.

=> Điều này có thể dẫn đến việc lơ là, chậm trễ trong việc chuyển giao chứng từ và trốn tránh trách nhiệm khi bị thất thoát chứng từ, một vài trường hợp làm thất lạc các chứng từ, gây khó khăn cho việc hạch toán.

Thứ sáu: Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là rất cần thiết, nhưng do yêu cầu thị trường hiện nay mỗi phân hành kế toán cần xây dựng số lượng kế toán thích hợp để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc. Bộ phận kế toán còn kiêm nhiệm nhiều phân hành và tính giá thành theo tháng từ đó làm cho việc tập hợp chi phí sản xuất còn một số sai sót như: thiếu chi phí, tập hợp chi phí sai cho các từng đối tượng sản phẩm...

+ Kế toán nguyên vật liệu đang sử dụng hệ thống tài khoản chi tiết tới cấp 2, điều này khó cho việc quản lý và tìm kiếm chi tiết từng loại NVL do kho có nhiều loại vật tư dễ nhầm lẫn, khó xác định.

+ Công ty xuất kho và theo dõi NVL chờ phân bổ nhưng sổ kế toán chi tiết lại theo dõi là sổ chi tiết vật tư thuộc loại phụ từng thay thế.

+ Để thủ kho cùng theo dõi số lượng từng thứ loại NVL trên sổ chi tiết vật tư của kế toán là chưa phù hợp với quy định trong công tác hạch toán NVL ở kho và tại phòng kế toán.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

3.2.1. Hoàn thiện hơn về tổ chức công tác kế toán NVL tại Công ty

Các thông tin kế toán là thông tin rất quan trọng và cần thiết trong công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin chính xác về tình hình tài chính của chính mình để có thể đưa ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của chính doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu trong quản lý.

Qua những tìm hiểu về công tác kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam cho em thấy những ưu và nhược điểm trong việc tổ chức hạch toán kế toán phần hành này. Để nâng cao chất lượng nhằm hoàn thiện trong công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu e xin được đề xuất một số những ý kiến để khắc phục những tồn đọng tại doanh nghiệp:

➤ Ý kiến thứ nhất: Thu hồi phế liệu nhập kho

Công ty sản xuất cá linh kiện nhựa nên phế liệu thừa chủ yếu là các phiến nhựa bám trên sản phẩm, các hạt nhựa rơi vãi đúc thành miếng nhựa...Khi phế liệu được thu hồi hiện công ty đang tiến hành nhập kho nhưng không tiến hành ghi sổ để theo dõi. Khi thanh lý nguyên vật liệu được ghi vào tài khoản thu nhập khác.

=> Hướng giải quyết: Theo em Công ty nên mở riêng một tài khoản 1525 để tiện cho việc theo dõi phế liệu nhập kho để nắm rõ tình hình sản xuất của Công ty về số lượng nguyên vật liệu sử dụng cho sản phẩm, số lượng phế liệu thu hồi ít hay nhiều. Từ đó công tác quản lý nguyên vật liệu của Công ty sẽ chặt chẽ hơn, tiết kiệm được chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

Công ty có thể định khoản như sau:

Khi nhập kho phế liệu, kế toán ghi:

Nợ TK 1525: Phế liệu thu hồi

Có TK 154: Chi phí NVL trực tiếp

Khi xuất kho bán phế liệu, kế toán ghi:

Nợ TK 811: Trị giá phế liệu xuất kho

Có TK 1525: Phế liệu thu hồi

Khi bán phế liệu thu tiền, kế toán ghi:

Nợ 111, 112, 131: Giá trị phế liệu thu hồi

Có TK711: Doanh thu khác

➤ *Ý kiến thứ hai: Hệ thống danh điểm NVL*

Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng "Số danh điểm vật tư".

Số danh điểm vật tư là số danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng số danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Khi có số danh điểm việc cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên mở và sử dụng các tiểu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính
- TK 1522: Nguyên vật liệu phụ
- TK 1523: Nhiên liệu
- TK 1524: Phụ tùng thay thế
- TK 1525: Phế liệu thu hồi

Việc mở thêm các tiểu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm

lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Để lập số danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu.
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm.
- + Dựa vào số thứ vật liệu có trong mỗi nhóm, loại.
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trong mỗi khoản mục nguyên vật liệu chính sẽ sử dụng chữ cái và để chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý nguyên vật liệu sẽ được tiến hành một cách khoa học, chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521 - A: Hạt nhựa PC

TK 1521 - A1: Hạt nhựa PC Polycarbonat

TK 1521 - A2: Hạt nhựa PC POM SW-01 CD3501 Std Black

TK 1521 - A3: Hạt nhựa PC ABS ZFJ5 450 BLACK.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522 – A: Hạt nhựa

TK 1522 - A1: Hạt nhựa nguyên sinh POM, ABS, Super,...

TK 1522 - A2: Hạt nhựa oxi xanh VR24

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1523 - A: Dầu Diezen

TK 1523 – B: Xăng

TK 1524 : Nhóm phụ tùng thay thế

TK 1525: Nhóm phốt lân thu hồi

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập số danh điểm vật tư như sau:

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521 - A	1521- A1	Hạt nhựa PC Polycarbonat	Kg	
		1521 – A2	Hạt nhựa PC POM SW-01 CD3501 Std Black	Kg	
		1521 – A3	Hạt nhựa PC ABS ZFJ5 450 BLACK	Kg	
....
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522 - A	1522 – A1	Hạt nhựa nguyên sinh POM, ABS, Super,...lạ thường	Kg	
		1522 - A2	Hạt nhựa oxi xanh VR24	Kg	
....
1523			Nhóm nhiên liệu		
	1523 - A		Dầu Diezen	Lít	
	1523 - B		Xăng Ron 95	Lít	
1524			Nhóm phụ tùng thay thế		
....
1525			Phế liệu thu hồi		
....

➤ *Ý kiến thứ ba : Về dự trữ nguyên vật liệu*

Công ty đã không xây dựng được cụ thể, chi tiết định mức tồn kho nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm với từng phân xưởng => Điều này có thể gây

lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, hay dự trữ ít quá không đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty trong mùa cao điểm. Vấn đề tồn tại này cần công ty phải dự đoán trước phần nào lượng có thể bán ra để nhập mua số lượng nguyên vật liệu hợp lý nhất. Nhưng giải pháp này đòi hỏi trình độ và khả năng phán đoán thị trường của người lãnh đạo phải cao, nhạy bén với thị trường và cần nhận biết nhu cầu thị trường

Xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu cho từng tháng theo từng loại nguyên vật liệu để thuận lợi cho công tác thu mua, dựa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng thời điểm để lập định mức dự trữ tối ưu cho từng thời điểm. Tránh tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu quá nhiều vì nguyên vật liệu của công ty đa phần là sản phẩm nông nghiệp nên dễ hư hỏng

Ngoài ra phòng kế toán cần thường xuyên thu nhập thông tin, nhạy bén với thay đổi của giá cả thị trường để có quyết định hợp lý điều chỉnh vật tư dự trữ. Các loại nguyên vật liệu dễ hư hỏng kém phẩm chất, thời gian sửa dụng ngắn hơn thì tiến hành thu mua với số lượng ít.

➤ *Ý kiến thứ tư: Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Để đảm bảo nguyên tắc "thận trọng" trong kế toán, tránh được những tổn thất có

thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát với giá thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác hơn thì công ty cần lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Dự phòng được lập với mục đích bù đắp tổn thất của doanh nghiệp. Đây là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

Doanh nghiệp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các đối tượng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được (trừ trường hợp giá gốc của nguyên vật liệu cao hơn giá trị thuần nhưng giá bán sản phẩm từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá).

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp hoặc có bằng chứng chứng minh được giá vốn của hàng tồn kho.

- Thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Thời điểm lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là cuối kỳ kế toán năm. Doanh nghiệp áp dụng năm tài chính theo năm dương lịch thì thời điểm trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thời điểm năm tài chính dương lịch đó.

Cách tính dự phòng giảm giá HTK:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng} \\ \text{giảm giá} \\ \text{vật tư,} \\ \text{hàng} \\ \text{hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật} \\ \text{tư hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn} \\ \text{kho tại thời} \\ \text{điểm lập} \\ \text{báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{(Giá} \\ \text{gốc} \\ \text{hàng} \\ \text{tồn kho} \\ \text{theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần} \\ \text{có thể thực} \\ \text{hiện được} \\ \text{của hàng tồn} \\ \text{kho)} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán 02.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho do doanh nghiệp tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng
- Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ và bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng hóa (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ)

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

❖ Cuối kỳ kế toán, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, kế toán ghi:

Nợ TK 632 — Giá vốn hàng bán

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

❖ Cuối kỳ kế toán tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa chênh lệch lớn hơn kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

• Nếu khoản dự phòng giảm giá bằng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá ở cuối kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn

Nợ TK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp việc hạch toán vật tư tại công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của công ty hiện có so với giá thị trường.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau:
(Dưới đây là ví dụ mẫu bảng và một số NVL được ghi lại được)

Biểu số 3.2: Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên vật liệu	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1	Hạt nhựa Amilan	160	12.080	1.932.800	11.800	1.888.000	44.800
2	Hạt nhựa oxi xanh VR24	356	16.965	6.039.540	16.800	5.980.800	58.740
	Tổng cộng			7.927.340		7.868.800	103.540

Dựa vào bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán lập dự phòng hàng tồn kho, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 632: 103.540

Có TK 2994: 103.540

➤ *Ý kiến thứ năm: Hoàn thiện về việc luân chuyển chứng từ*

- Để việc luân chuyển chứng từ được diễn ra thường xuyên, liên tục đảm bảo việc cập nhật thông tin của kế toán, Công ty cần tổ chức lại khâu luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận trong đơn vị. Cụ thể:

- Công ty nên đề ra quy định về thời gian cho việc giao nhận chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho vào một ngày nào đó trong tuần. Đây là thời điểm thích hợp để các bộ phận có thể tập hợp các chứng từ phát sinh trong tuần để chuyển lên phòng kế toán. Việc giao nhận chứng từ diễn ra hàng tuần đều đặn cũng giúp cho các thông tin mà kế toán thu thập được thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng. Nếu xảy ra trường hợp chứng từ về muộn ảnh hưởng đến việc lập báo cáo kế toán sẽ bị xử lý theo đúng quy định của Công ty

- Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ thì dễ dàng hơn cho việc quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý, việc làm này nhằm giúp ban quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc của Công ty nói chung

Công ty có thể sử dụng mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.3: Sổ bàn giao tài liệu

CÔNG TY CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 18/ BBBG-

....., ngày tháng năm.....

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Bên giao:.....

Họ tên:

Chức vụ:

Trụ sở:

Bên nhận:

Họ tên:

Chức vụ:

Công ty:

Trụ sở:

Chi tiết tài liệu bàn giao:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
01			
02			
.....			

Bên giao

Bên nhận

3.2.2. Hoàn thiện việc tổ chức, phân công công việc và trách nhiệm của Kế toán:

- Kế toán NVL cần được tách biệt với bộ phận khác như tính giá thành sản phẩm, thủ kho và kế toán TSCĐ cho nhiều người đảm nhiệm các công việc khác nhau để tránh việc quá tải về công việc dẫn đến sai sót trong hạch toán và tập hợp chi phí.

- Ngoài ra việc tách biệt các phần kế toán này sẽ tránh được gian lận, và khi làm các công việc kế toán kế tiếp nhau, các kế toán có thể nhìn ra cái sai sót hoặc phần không hợp lý của kế toán trước đó giúp cải thiện hiệu quả kế toán trong phần hành kế toán NVL nói riêng và công tác kế toán của Công ty nói chung.

3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán quản trị NVL cho Công ty.

Hiện tại Công ty chưa chú trọng đến công tác quản trị, để việc tổ chức kế toán quản trị NVL trở thành nhiệm vụ thường và hoàn thiện kế toán NVL tại Công ty trong thời gian tới cần chú trọng một số vấn đề sau:

Một là, bản thân các nhà quản trị cần nâng cao nhận thức về ý nghĩa của công tác kế toán quản trị NVL tại Công ty hiện nay, từ đó có sự đầu tư thích đáng cho công tác kế toán quản trị NVL

Hai là, cần đào tạo đội ngũ nhân viên kế toán quản trị để họ trực tiếp tham gia vào quá trình thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về kế toán quản trị NVL cho nhà quản trị.

Ba là, cần lập dự toán về hàng tồn kho NVL chính xác, phù hợp với khả năng, điều kiện của Công ty. Dự toán hàng tồn kho NVL có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức, quản lý, sử dụng có hiệu quả vật tư, tiền vốn của Công ty. Dự toán hàng tồn kho NVL thường được lập hàng năm, phù hợp với năm tài chính, đảm bảo cho việc phân tích, đánh giá.

Công ty có thể sử dụng mẫu dự toán như sau :

Biểu số 3.4: Dự toán thành phẩm tồn kho NVL cuối kỳ.

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị
- Định mức Chi phí		
+ Chi phí NVL trực tiếp		
+ Chi phí nhân công trực tiếp		
+ Chi phí sản xuất chung		
Tổng chi phí sản xuất		
- Thành phẩm cuối kỳ		
+ Số lượng dự kiến		
+ Z định mức		
+ Giá trị tồn kho		

Bốn là, khi quyết định tồn kho NVL phải quan tâm đến xác định lượng hàng tồn kho NVL ở mức nào cần phải mua thêm và lượng hàng mua trong một lần mua thêm. Nếu mua đủ nhu cầu và đúng định mức cần mua thêm sẽ làm giảm tối đa chi phí hàng tồn kho.

Trong trường hợp hàng đặt nhận được không chậm trễ hoặc quá trình sản xuất đúng như dự kiến lượng hàng sản xuất cho mỗi ngày thì không cần thiết phải có lượng NVL an toàn.

Cùng với đó, việc xây dựng được định mức NVL tối ưu có liên hệ với việc xác định được lượng hàng tối ưu và tiến độ nhập hàng phù hợp. Khi xác định lượng đặt hàng tối ưu còn phải tính đến yếu tố biến động của giá cả thị trường, rủi ro nguồn hàng và việc phân tích lượng hàng dự trữ an toàn.

Năm là, việc lập báo cáo tồn kho NVL cần phản ánh một cách chi tiết tình hình hàng tồn kho NVL của Công ty theo từng loại, từng thứ hàng phục vụ cho yêu cầu quản trị kinh doanh. Thông thường các kế toán thường ưu tiên quan tâm đến các vấn đề như quyết định khi nào đặt mua NVL và mỗi lần mua thì phải mua bao nhiêu để đạt hiệu quả kinh tế tối ưu nhất.

Công ty có thể sử dụng mẫu báo cáo tồn kho như sau:.

Biểu số 3.5: Báo cáo tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn

Đơn vị: Mẫu số S10-DN
 Địa chỉ: (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-
 BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT – TỒN

Tên, qui cách, NVL, CCDC, (Thành phẩm, Hàng hóa, ...)

STT	Mã số	Tên, qui cách, NVL, CCDC, (thành phẩm, hàng hóa,...)	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Bình quân bán ra/ tháng
				Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	
		Tổng cộng		x	x	X	x	x	X	x	x	

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.4. Một số giải pháp khác.

➤ *Giải pháp 1: Xây dựng kế hoạch quản lý, kiểm kê NVL thường xuyên*

- Khâu thu mua: Công ty phải tiêu thụ số lượng lớn NVL nên cần chủ động trong công tác cung ứng NVL bằng việc tổ chức thu mua tại các cơ sở sản xuất hoặc đại lý lớn để đảm bảo nguồn cung luôn ổn định, chất lượng đạt yêu cầu và giảm chi phí thu mua nếu được hưởng chính sách chiết khấu. Ngoài ra, Công ty cần có kế hoạch cung ứng hợp lý để hạn chế đến mức tối thiểu sự lãng phí NVL, Công ty nên tổ chức thu mua NVL theo tiến độ sản xuất. Công ty nên tìm mọi cách để số lượng NVL cung cấp vừa đủ hoặc thừa không đáng kể nhằm tránh tình trạng phải vận chuyển vật tư về kho tốn nhiều chi phí và thời gian kiểm kê.

- Khâu bảo quản: Nguyên vật liệu tại Công ty rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ, để đảm bảo cho việc hạch toán kế toán được chính xác thì cần phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý. Các loại NVL khi về đến kho nên được chia theo mục đích sử dụng để sản xuất tại phân xưởng để tránh tình trạng phải luân chuyển sang nhiều bộ phận dễ thất lạc. Mỗi loại NVL muốn bảo quản tốt phải có phương pháp bảo quản thích hợp từng chỗ, từng nơi, từng thứ vật liệu quý, do vậy phải phân chia ra nhiều loại kho khác nhau như kho thép, kho vật liệu kim khí, kho nhiên liệu, kho máy móc thiết bị,... Ngoài ra, Công ty cần tu sửa lại những kho tàng đã hư hỏng, xuống cấp để đảm bảo NVL được bảo quản thường xuyên, an toàn.

- Khâu dự trữ: Tại khâu này, doanh nghiệp cần xác định mức dự trữ tối đa, mức

dự trữ tối thiểu và mức dự trữ trung bình cho doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu đặc điểm sản xuất. Phòng kế hoạch cần lựa chọn các đơn đặt hàng cũng như ước tính số lượng sử dụng NVL trong kỳ, tránh tình trạng NVL bảo quản tại kho lâu ngày gây khó khăn cho kiểm kê, chỉ nên dự trữ những NVL khan hiếm, giá cả biến động mạnh để giảm bớt lượng NVL tồn kho, nhờ đó giúp tăng nhanh số vòng quay tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh ứ đọng vốn.

- Khâu xuất NVL: Bên cạnh việc đảm bảo xuất đúng, xuất đủ cho các sản phẩm cần xác định được chính xác giá xuất kho thực tế của NVL, phục vụ cho công tác tính giá thành một cách chính xác,... đặc biệt phải tính toán lượng NVL cần sử dụng chính xác, gia công thép không nên lãng phí, tận dụng tối đa lượng thép phế liệu

- Đối với việc quản lý NVL không nhập kho để cung cấp kịp thời cho công

trình thì kế toán cần đối chiếu với các bộ phận kế toán khác để tránh sự nhầm lẫn và có biện pháp giải quyết kịp thời.

➤ *Giải pháp 2: Hiện đại hóa máy móc, ứng dụng CNTT vào công tác kế toán NVL*

Trong bối cảnh trình độ công nghệ kỹ thuật ngày càng phát triển, công ty vẫn duy trì việc vận hành bộ phận kế toán theo phương pháp thủ công. Điều này sẽ gây nhiều bất lợi cho kế toán như lãng phí thời gian nhập liệu, khó khăn trong việc kiểm tra đối chiếu, khó phát hiện sai sót, ... Vì vậy, việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ vào quản lý công ty trở nên cần thiết, đặc biệt với những bộ phận đòi hỏi tính chính xác cao của dữ liệu như bộ phận kế toán.

=>Điều này đòi hỏi Công ty phải có sự chuẩn bị về mặt nhân lực và máy móc để góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán ở Công ty như: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên, bố trí nhân sự các phòng ban một cách hợp lý, có chế độ thưởng phạt, kỷ luật nhằm phát huy hết khả năng, nâng cao chất lượng hoạt động kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng.

Lợi ích khi sử dụng phần mềm kế toán đem lại như sau:

- Quy trình nhập dữ liệu trên phần mềm kế toán đơn giản và nhanh chóng hơn khi ghi chép thủ công, giúp bạn tiết kiệm rất nhiều thời gian làm việc.

- Phần mềm có tính năng tự động hóa, thay thế những thao tác tính toán thông thường, giúp hạn chế tối đa lỗi khi tính toán. Đơn cử như với phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán có khả năng thống kê, xây dựng báo cáo theo yêu cầu của công ty trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, các báo cáo trên phần mềm có thể xuất ra các file excel, word hoặc các định dạng khác thuận tiện cho việc in ấn.

- Khi sử dụng phần mềm kế toán, nhà quản lý sẽ luôn nắm được đầy đủ thông tin tài chính của công ty khi cần thiết, từ đó hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty còn có thể tăng năng suất làm việc của bộ phận kế toán, từ đó tiết kiệm được chi phí nhân lực cũng như các loại chi phí khác....Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán được sử dụng như Misa, Fast, Gama, Asoft,....

Công ty có thể lựa chọn một trong số những phần mềm trên để tăng hiệu quả công việc:

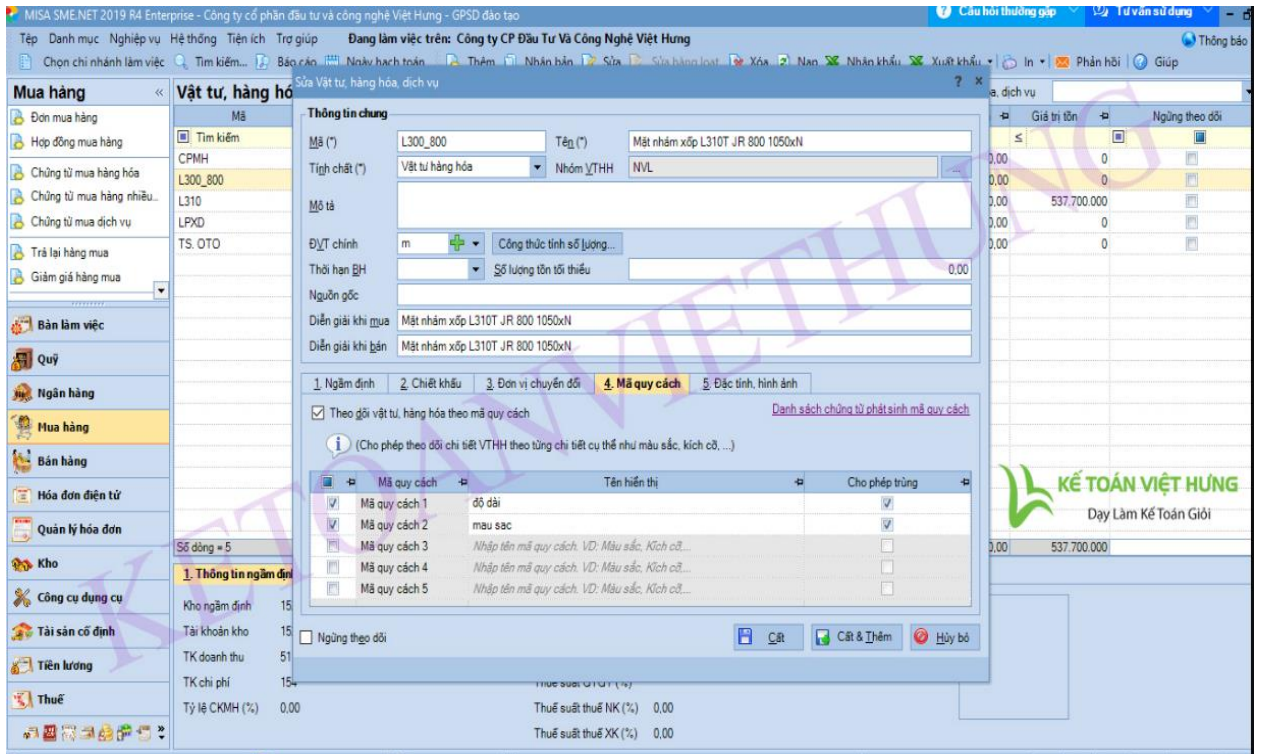
➤ **Phần mềm Misa**

- Một trong những phần mềm kế toán hiệu quả và phổ biến tại Việt Nam:
- Tính năng thông minh giúp cho công việc của kế toán trở nên đơn giản hơn:
 - + Phân tích tài chính: Kết nối ngân hàng số, tự động đối chiếu chứng từ thu chi với sổ phụ ngân hàng ngay tại văn phòng
 - + Mua hàng: Tự động hạch toán hóa đơn điện tử đầu vào. Phân bổ chi phí và theo dõi chi tiết công nợ theo từng hóa đơn
 - + Bán hàng: Kết nối phần mềm bán hàng, tự động hạch toán doanh thu. Lập kế hoạch thu nợ, theo dõi nợ theo hóa đơn, tính lãi nợ
 - + Thuế: Tự động lập tờ khai thuế GTGT theo cả 2 phương pháp khấu trừ và trực tiếp. kê khai thuế qua mạng nhờ MISA MTAX
 - + Kho, thủ kho: Quản lý hàng hóa theo nhiều đơn vị tính, số lô, hạn dùng, mã quy cách. Tự động đối soát để xử lý chênh lệch.....
- Mức giá sử dụng phần mềm hiện nay:

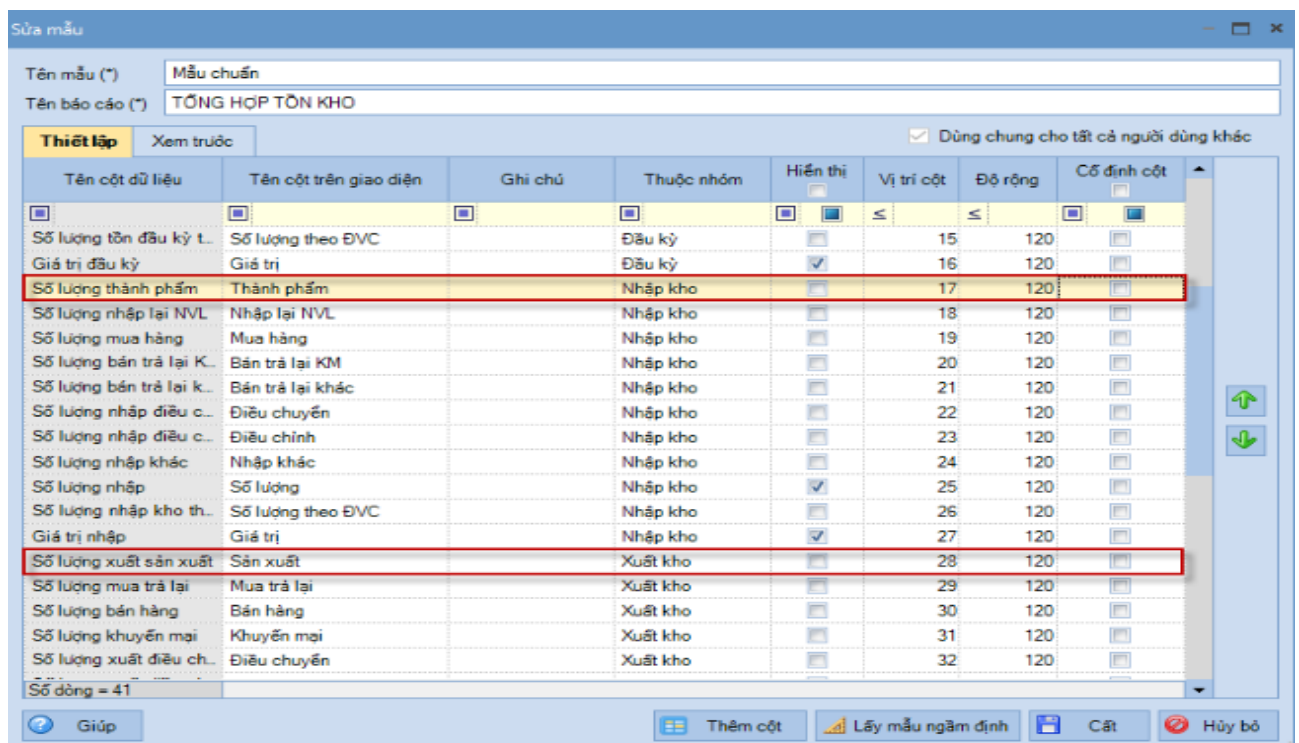
Standard Bắt đầu kinh doanh	Professional Tăng tốc doanh nghiệp	Enterprise Tăng trưởng toàn diện
4.450.000 /năm Cho 3 người dùng Mua thêm mỗi gói 3 người dùng giá 3.550.000 gói/năm Mua ngay	5.950.000 /năm Cho 3 người dùng Mua thêm mỗi gói 3 người dùng giá 4.750.000 gói/năm Mua ngay	7.450.000 /năm Cho 3 người dùng Mua thêm mỗi gói 3 người dùng giá 5.950.000 gói/năm Mua ngay
<ul style="list-style-type: none">✓ Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng✓ Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế✓ Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp	<ul style="list-style-type: none">✓ Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng✓ Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế✓ Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp✓ Tài sản cố định	<ul style="list-style-type: none">✓ Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng✓ Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế✓ Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp✓ Tài sản cố định

Biểu số 3.6: Bảng giá phần mềm kế toán Misa

- Giao diện của phần mềm Misa:

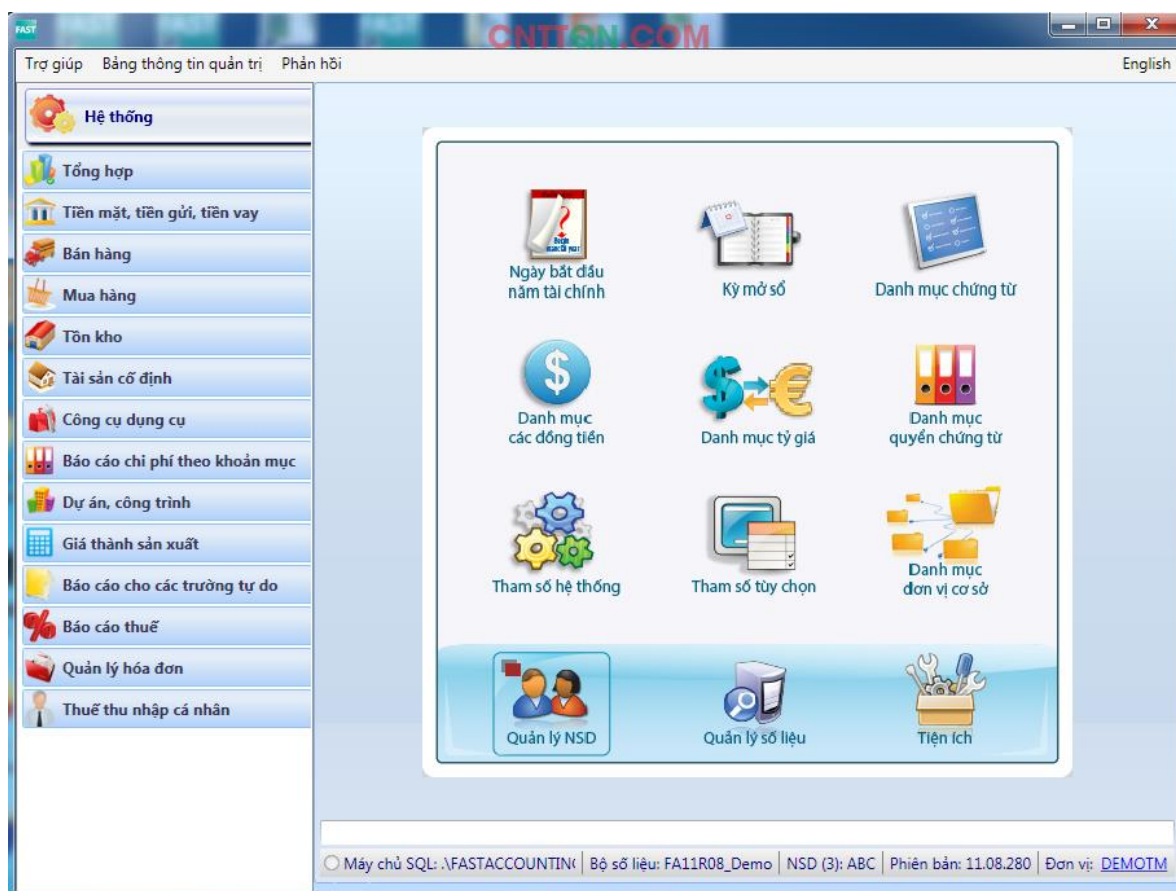


Biểu số 3.7: Màn hình theo dõi nhập xuất tồn kho theo mã quy cách trên phần mềm MISA



Biểu số 3.8: Màn hình thể hiện Báo cáo tổng hợp tồn kho

➤ Phần mềm Fast Accounting



Biểu số 3.9: Giao diện của phần mềm kế toán Fast Accounting

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Phần mềm Fast Accounting tích hợp nhiều phân hệ kế toán khác nhau giúp thực hiện các công việc liên quan đến thu chi, công nợ, báo cáo một cách nhanh chóng.

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ. Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất. Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị

- Tính năng: thông minh thuận tiện cho việc hạch toán và theo dõi của kế toán



Kế toán thực hiện thu chi, thanh toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi hoặc tiền vay một cách chặt chẽ, chi tiết theo đúng đối tượng, theo hóa đơn, theo hợp đồng, theo khoản mục phí. Ngăn chặn việc chi âm. Chỉ cần bấm chuột nhẹ là có thể xem báo cáo về số dư tiền mặt tại quỹ, tiền gửi và tiền vay ở từng ngân hàng.



Chu trình bán hàng – thu tiền có thể được thực hiện trên phần mềm từ khâu lập đơn hàng đến xuất hàng và thu tiền, giúp cho việc tiếp nhận đơn hàng đầy đủ, giao hàng đúng hạn và thu tiền kịp thời. Tích hợp với phần mềm hđdt Fast e-Invoice và một số phần mềm hđdt khác.



Nhập mua xuất thẳng, xuất điều chuyển giữa các dự án, xuất cho sản xuất theo định mức, thực hiện kiểm kê tồn kho... hỗ trợ một cách hữu ích cho người sử dụng.

Cho phép lựa chọn tính giá tồn kho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp: bình quân tháng, bình quân di động hoặc nhập trước xuất trước.

Tốc độ tính giá cực nhanh, ngay cả khi với nhiều ngàn danh điểm vật tư và số lượng phiếu nhập xuất lớn.....

Với tốc độ Phát triển trên nền công nghệ hiện đại: Fast Accounting được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Tốc độ xử lý nhanh, nhiều tính năng thông minh

Fast Accounting tập trung vào nâng cao tốc độ xử lý khi thực hiện giao dịch, xử lý và tính toán cuối kỳ cũng như lên báo cáo giúp người sử dụng làm việc với tốc độ nhanh nhất. Có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả phục vụ tốt công tác kế toán quản trị.

- Mức giá sử dụng phần mềm hiện nay:

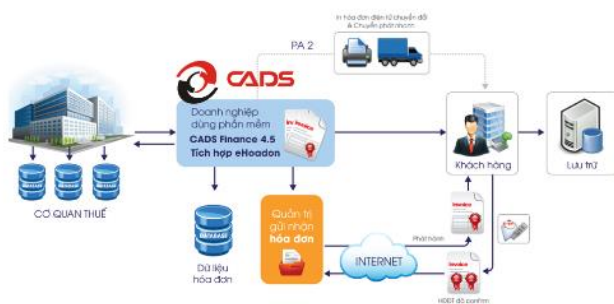
1. Giá phần mềm kế toán Fast Accounting và dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm (1)	Giá dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn (2)	Số buổi (2,5 giờ/buổi)
Dịch vụ	5.900.000đ	2.950.000đ	4
Thương mại	7.900.000đ	2.950.000đ	4
Xây lắp	9.900.000đ	2.950.000đ	4
Sản xuất	11.900.000đ	4.450.000đ	6

Biểu số 3.10 :Bảng giá của phần mềm kế toán Fast Accounting

➤ **Phần mềm CADS FINANCE 4.5**

CADS FINANCE 4.5 là phần mềm Kế toán thể hệ mới chuyên nghiệp trong lĩnh vực Sản xuất, Xây dựng, Thương mại. CADS FINANCE 4.5 được thiết kế theo chuẩn Kho dữ liệu tài chính Data warehouse và có thể làm việc online mọi lúc, mọi nơi trên nền tảng desktop và web. CADS FINANCE 4.5 gồm 16 phân hệ

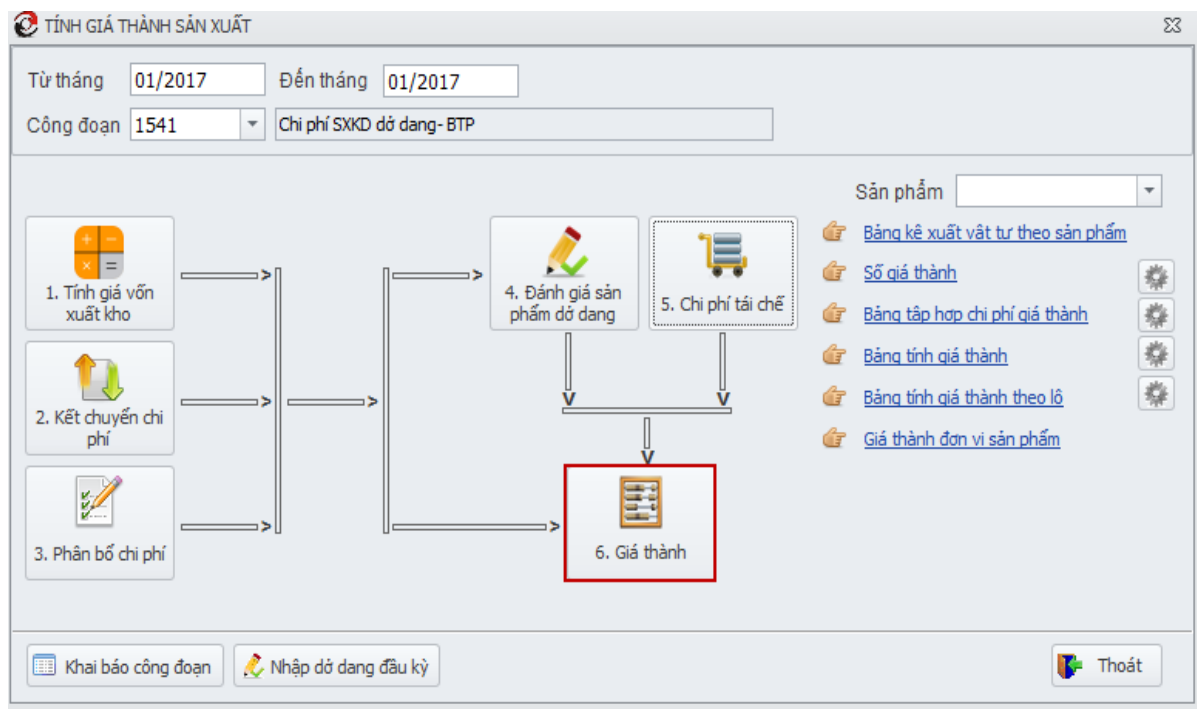


Tích hợp Hóa đơn Điện tử

CADS Finance 4.5 tích hợp Hóa đơn điện tử eHoadon của BKAV, eInvoice của VNPT, sInvoice của Viettel. Lợi ích từ việc sử dụng phần mềm Kế toán CADS Finance

4.5 có tích hợp tính năng Hóa đơn điện tử:
 - Giảm 50% thời gian nhập liệu. Thay vì vừa nhập liệu hóa đơn bán hàng trên

phần mềm kế toán, vừa nhập hóa đơn trên phần mềm Hóa đơn điện tử riêng biệt, thì doanh nghiệp chỉ cần nhập liệu một lần trên CADS Finance 4.5, tự động dữ liệu hóa đơn sẽ được gửi đến phần mềm Hóa đơn điện tử, người dùng chỉ việc ký số và phát hành hóa đơn.



Biểu số 3.11 : Giao diện tính giá thành sản xuất

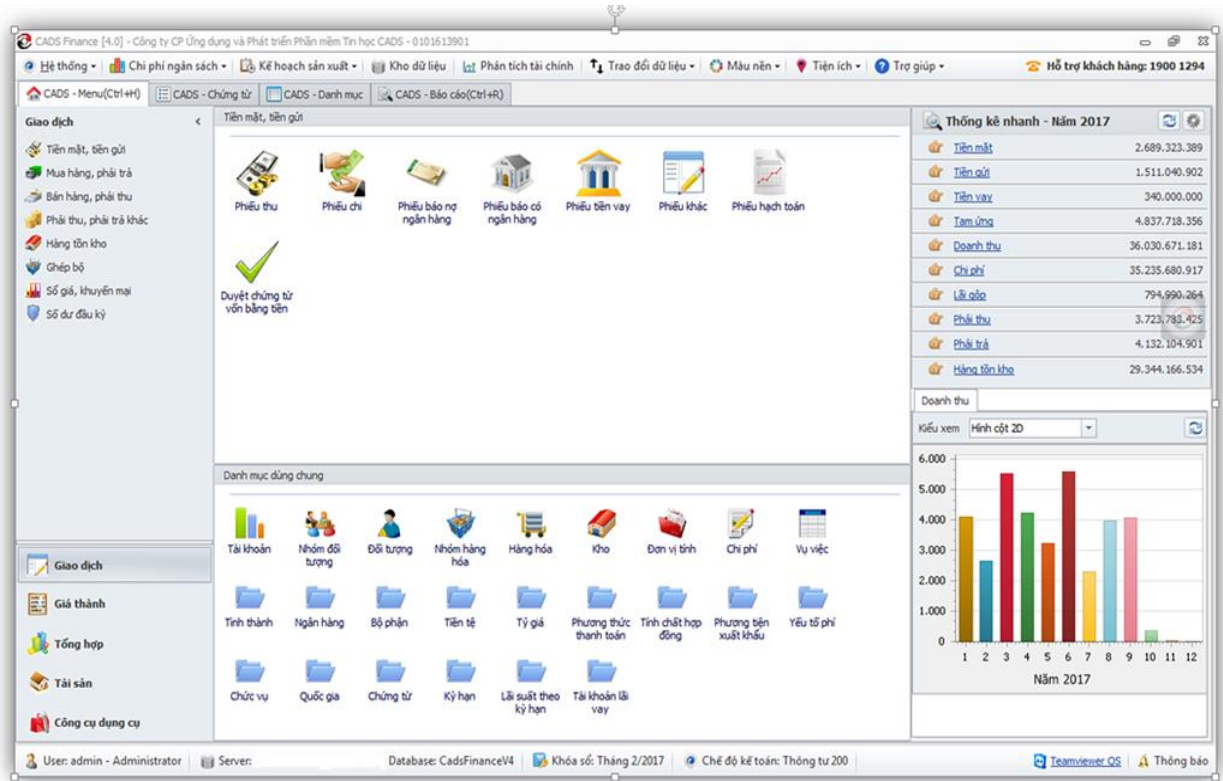
Thiết kế quy trình phù hợp với doanh nghiệp lớn

- Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước cho từng công đoạn: Hệ thống định mức sản phẩm BOM, lệnh sản xuất, định mức ghép bộ, xuất ghép bộ đối với doanh nghiệp sản xuất phức tạp có nhiều công đoạn. Cho phép cấu hình các công ty sản xuất thuộc lĩnh vực thủy sản, bao bì, gạch ngói,.. tính giá thành theo phương pháp hệ số. Các công ty sản xuất dược phẩm, công nghiệp có chức năng tính giá thành sản phẩm chi tiết theo số lô sản xuất. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng có phân hệ quản lý tập hợp chi phí, tính giá thành theo từng công trình, hạng mục công trình xây dựng.
- Có chức năng duyệt chứng từ kế toán, chốt tồn kho sử dụng mã vạch dành cho các công ty lớn
- CADS Finance 4.5 cung cấp đầy đủ quy trình bán hàng: từ hợp đồng, đơn hàng, sổ giá, chương trình khuyến mãi, hóa đơn bán hàng. Sẵn sàng kết nối với các phòng ban, bộ phận Kinh doanh, Kho, Kế toán để hình thành nên quy trình quản lý bán hàng cho doanh nghiệp vừa và lớn theo mô hình quản trị

tổng thể doanh nghiệp ERP.

- Xây dựng ngân hàng dữ liệu, kết nối online các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, hợp nhất báo cáo.

Giao diện của phần mềm Kế toán CADS



Biểu số 3.12: Giao diện của phần mềm kế toán CADS

- Mức giá sử dụng phần mềm hiện nay:

Bảng Giá CADS Finance 4.5 - Dành Cho Doanh Nghiệp Sản Xuất					
Chức năng	Miễn phí	2 Máy tính	3 Máy tính	4 Máy tính	Cao cấp VIP
	0 VNĐ	6.990.000 VNĐ	9.490.000 VNĐ	12.990.000 VNĐ	15.990.000 VNĐ
01. Phân hệ vốn bằng tiền (tiền mặt, tiền gửi, tiền vay)	✓	✓	✓	✓	✓
02. Quản lý hợp đồng, đơn hàng, quản lý số giá, chương trình khuyến mãi	✓	✓	✓	✓	✓
03. Phân hệ mua hàng, công nợ phải trả	✓	✓	✓	✓	✓
04. Phân hệ bán hàng, công nợ phải thu	✓	✓	✓	✓	✓
05. Phân hệ phải thu phải trả khác	✓	✓	✓	✓	✓
06. Phân hệ hàng tồn kho	✓	✓	✓	✓	✓
07. Phân hệ quản lý tài sản cố định	✓	✓	✓	✓	✓
08. Phân hệ quản lý công cụ dụng cụ	✓	✓	✓	✓	✓
09. Phân hệ kế hoạch ngân sách, chi phí			✓	✓	✓

=> Qua những ví dụ về các phần mềm kế toán trên em thấy để đáp ứng và phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam hiện nay thì nên chọn sử dụng Phần mềm kế toán Misa, với tiêu chí chọn “Ngon-Bổ-Rẻ” mà công ty đề ra thì em thấy phần mềm kế toán Misa là hoàn toàn hợp lý.

➤ *Giải pháp 3:* Hoàn thiện việc kiểm soát các chứng từ và quá trình luân chuyển chứng từ đối với các công trình xây lắp

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công nên quá trình luân chuyển chứng từ vật tư gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục tình trạng này, Công ty cần quy định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của kế toán vật tư trong việc theo dõi tại kho và tại công trường. Ngoài ra, Công ty nên quy định thời gian nộp chứng từ thống nhất và thường xuyên tiến hành rà soát các phiếu xuất và phiếu nhập để tránh mất mát hay nhầm lẫn, các bộ phận khi nhận chứng từ đều có trách nhiệm bảo quản và xác nhận nội dung để làm căn cứ quy định trách nhiệm đối với sai sót xảy ra.

➤ *Giải pháp 4:* Sử dụng kết hợp thông tin của một số báo cáo kế toán có liên quan đến NVL

Nhìn chung báo cáo kế toán về NVL của Công ty được lập theo quy định của Bộ Tài chính và kết cấu của báo cáo cũng phù hợp với yêu cầu của Công ty. Ngoài ra, Công ty cần xây dựng các báo cáo kế toán quản trị và báo cáo phân tích về chi phí nguyên vật liệu thu mua, dự trữ, sử dụng và so sánh với thực tế để giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định trong việc tìm kiếm nguồn cung NVL và việc sử dụng NVL trong thời gian qua có hiệu quả không. Việc lập kế hoạch thu mua NVL theo báo cáo quản trị cũng giúp Công ty chủ động trong việc tìm kiếm nhà cung cấp đồng thời nhận định được sự biến động hay ổn định trong công tác sản xuất kinh doanh.

KẾT LUẬN

Để trở thành công cụ quản lý có hiệu lực, kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay. Kế toán NVL chính xác, đầy đủ là điều kiện cần thiết để cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin, giúp cho nhà quản lý sáng suốt đưa ra những quyết định đúng đắn mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Sau những thời gian thực tập tại Công ty, được sự giúp đỡ của cô giáo hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty, em đã nhận thức được mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động kế toán tại Công ty, sự cần thiết, tầm quan trọng của kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng.

Do thời gian thực tập ngắn, khả năng còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng kiến thức nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, chuyên đề của em không tránh khỏi những sai sót, em mong được sự xem xét, chỉ bảo của thầy cô và các anh chị phòng kế toán tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam. Tuy nhiên trên cơ sở tình hình cụ thể của Công ty, em có đề xuất một số giải pháp, hy vọng những giải pháp đó sẽ góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán NVL của Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của các anh, chị tại các phòng ban của Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam, đặc biệt là các anh, chị phòng Kế toán và ThS. Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng ngày tháng năm 2022

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Dinh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Các nguồn tài liệu tham khảo khác trên internet
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “ Hàng tồn kho”
- Giáo trình kế toán tài chính, NXB Tài chính, Hà Nội
- Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, cũng như hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo thông tư 200 của Bộ tài chính
- Số liệu và thông tin kế toán tại Công ty TNHH Miki Industry Việt Nam